



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

Reciprocal Tariffs		
Country	Tariffs Charged to the U.S.A. Including Currency Manipulation and Trade Barriers	U.S.A. Discounted Reciprocal Tariffs
China	67%	34%
European Union	39%	20%
Vietnam	90%	46%
Taiwan	64%	32%
Japan	46%	24%
India	52%	26%
South Korea	50%	25%
Thailand	72%	36%
Switzerland	61%	31%
Indonesia	64%	32%
Malaysia	47%	24%
Cambodia	97%	49%
United Kingdom	10%	10%
	60%	30%
	10%	10%
	74%	37%
	10%	10%
	33%	17%
	34%	17%
	10%	10%
	10%	10%
	58%	29%
	10%	10%
	88%	44%
		10%

Bản tin KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 3/2025



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 3/2025 và Quý I/2025	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	9
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	10
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 3/2025	10
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	10
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	11
1.1.2. Xuất nhập khẩu	11
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	12
1.1.4. Hoạt động đầu tư	12
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	13
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	14
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	14
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	16
1.2.4. Chỉ số giá vàng	16
1.2.5. Chứng khoán	17
1.2.6. Lạm phát	18
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	19
2.1. Về chủ trương, chính sách	19
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	23
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	24
1. Thị trường dầu thô	24
2. Thị trường khí	30
3. Thị trường phân bón	35
4. Thị trường điện	39
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	42
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 3 năm 2025	44



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 3/2025 VÀ QUÝ I/2025

1.1. Tổng quan chung

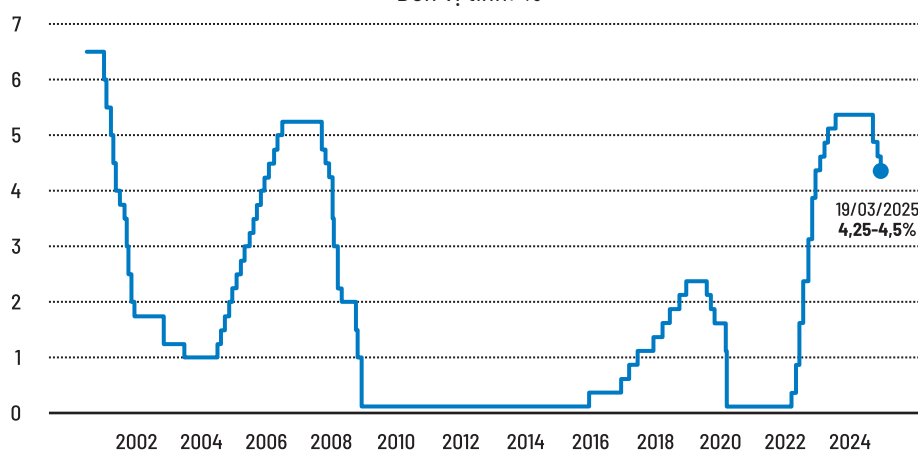
Chỉ số *PMI sản xuất toàn cầu* tháng 3/2025 đạt 50,3 điểm, giảm 0,3 điểm so với tháng 02/2025 (50,6 điểm). Sản lượng sản xuất toàn cầu đã tăng trong tháng thứ ba liên tiếp vào tháng 3, mặc dù tốc độ tăng trưởng là yếu nhất trong chuỗi đó. Sản lượng tăng trong các ngành hàng tiêu dùng và hàng hóa trung gian nhưng giảm trong danh mục hàng hóa đầu tư.

Trong tháng 3/2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động mạnh mẽ khi chịu áp lực từ các chính sách bảo hộ thương mại và căng thẳng địa chính trị leo thang. Đặc biệt, các biện pháp thuế quan mới của Tổng thống Mỹ Donald Trump không chỉ làm xáo trộn thị trường tài chính mà còn đẩy thế giới đến nguy cơ chiến tranh thương mại toàn diện.

Trước lo ngại về tác động của các hàng rào thuế quan lên chuỗi cung ứng, ngày 19/3, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 4,25% - 4,5% nhằm duy trì sự ổn định trong bối cảnh nền kinh tế đang chịu sự tác động của nhiều yếu tố tiêu cực.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: %



Nguồn: Fed

Theo sau đó, một loạt ngân hàng trung ương lớn trên thế giới như Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC), Ngân hàng Trung ương Nga, Ngân hàng trung ương Anh (BOE), Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) và Ngân hàng trung ương Thụy Điển (Riksbank)... cũng thể hiện quan điểm thận trọng khi quyết định giữ nguyên lãi suất của mình.

Ngoài ra, trong tháng qua, giá vàng không chỉ duy trì đà tăng mạnh mẽ mà còn liên tiếp thiết lập những kỷ lục mới, khi giới đầu tư trên toàn cầu đẩy mạnh việc rót vốn vào kim loại quý này như một biện pháp phòng vệ trước những rủi ro. Xu hướng này đã đẩy giá vàng tăng gần 19% trong 3 tháng đầu năm 2025, phản ánh tâm lý lo ngại ngày càng lớn của thị trường trước những biến chuyển khó lường.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TỪ THÁNG 5/2024 ĐẾN THÁNG 3/2025

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: Trading Economics

Trong bối cảnh hiện nay, kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng trong dài hạn, trong đó, căng thẳng tại Ukraine và Trung Đông làm gián đoạn thị trường năng lượng, đẩy giá dầu, khí đốt tăng cao, dẫn đến tăng chi phí sản xuất, tạo thêm áp lực lên lạm phát và ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng phục hồi của nền kinh tế toàn cầu.

Bên cạnh đó, việc Mỹ áp thuế đối ứng với mức thuế 10% với toàn bộ hàng nhập khẩu vào nước này từ ngày 5/4 và mức thuế cao hơn đối với các nước như Campuchia (49%), Việt Nam (46%) Trung Quốc (34%) và Liên minh châu Âu (20%)... từ ngày 9/4, tiếp tục gây áp lực lên nền kinh tế toàn cầu, nhất là các nền kinh tế mới nổi và một số quốc gia nghèo nhất thế giới. Những biện pháp này làm dấy lên nguy cơ trả đũa thương mại, ảnh hưởng nặng nề đến các nước sản xuất lớn như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ... trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng suy giảm. Đáng lo ngại hơn, nếu chính sách thuế quan này khiến Mỹ rơi vào suy thoái thì các nền kinh tế đang phát triển cũng sẽ gánh chịu thiệt hại nặng nề do sự phụ thuộc lớn vào nền kinh tế Mỹ, làm tăng nguy cơ suy thoái kinh tế trên diện rộng.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

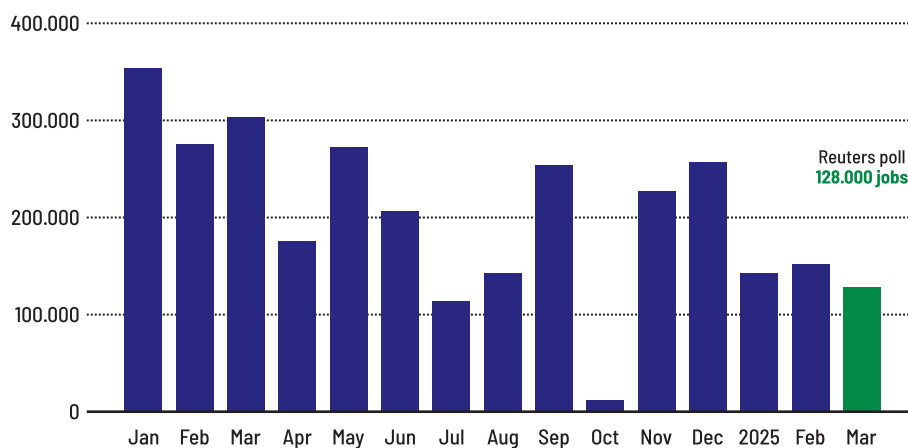
■ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 3/2025 đạt 50,2 giảm 2,5 điểm so với tháng 02/2025 (52,7 điểm). Tăng trưởng của ngành sản xuất Hoa Kỳ đã đình trệ vào tháng 3/2025 sau khi tăng trưởng mạnh vào tháng 2/2025. Niềm tin vào triển vọng hoạt động kinh doanh đã giảm bớt, trong bối cảnh có một số bất ổn về tác động của các chính sách của chính phủ liên bang. Áp lực chi phí gia tăng, chủ yếu là do tác động của thuế quan, với lạm phát giá đầu vào tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 8/2022.

Kinh tế Mỹ trong tháng 3/2025 ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ lĩnh vực dịch vụ, nhưng lại đối mặt với những khó khăn đáng kể trong sản xuất và thị trường lao động. Bên cạnh đó, chi phí đầu vào tăng cao, làm gia tăng lạm phát ở cả hai lĩnh vực dịch vụ và sản xuất. Ngành dịch vụ duy trì giá cạnh tranh, trong khi sản xuất ghi nhận mức tăng giá bán mạnh nhất trong hơn hai năm qua.

Trong bối cảnh các doanh nghiệp sản xuất chịu áp lực chi phí và nhu cầu yếu dần, thị trường lao động của Mỹ tiếp tục yếu đi với ước tính chỉ 128.000 việc làm được tạo ra trong tháng 3, thấp hơn thấp hơn mức 151.000 của tháng trước.

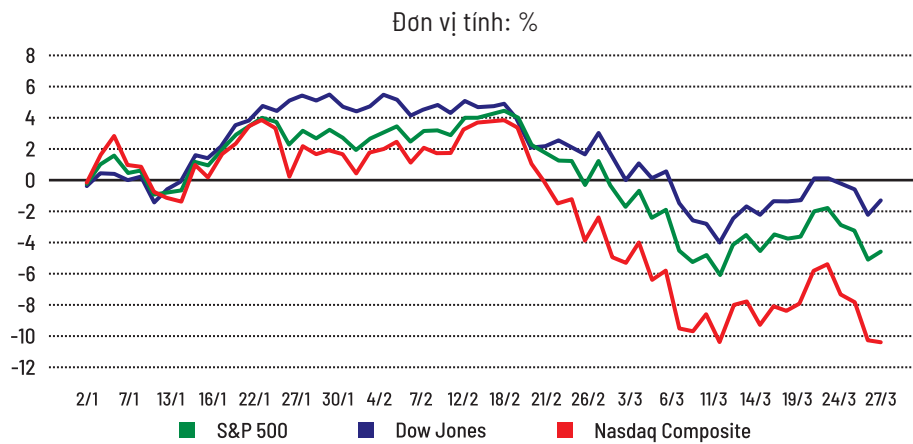
ƯỚC TÍNH SỐ VIỆC LÀM MỚI TẠI MỸ TRONG THÁNG 3/2025



Nguồn: LSEG Datastream, Reuters polling

Trong tháng qua, thị trường chứng khoán Mỹ cũng không tránh khỏi những biến động mạnh khi chịu ảnh hưởng tiêu cực từ các tuyên bố liên tiếp về thuế quan của Tổng thống Donald Trump, khiến các chỉ số đồng loạt lao dốc, với chỉ số S&P 500 giảm 5,8%, chỉ số Nasdaq Composite mất 8,2% và chỉ số Dow Jones giảm 4,2% so với tháng trước.

BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ
TỪ ĐẦU NĂM 2025 ĐẾN HẾT THÁNG 3/2025

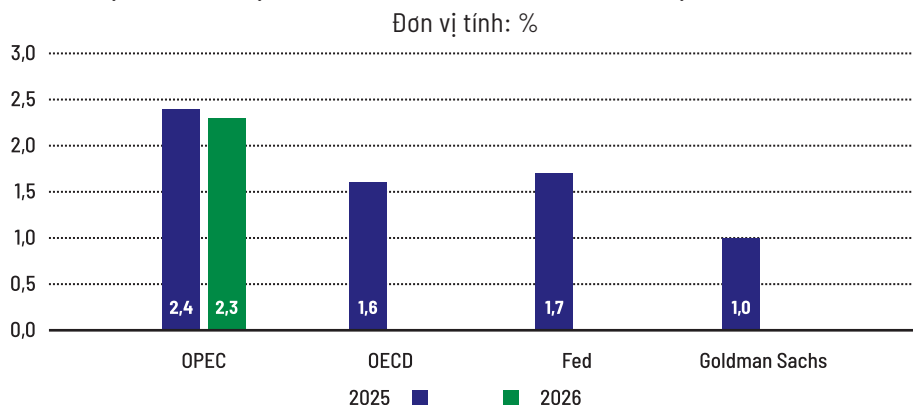


Nguồn: CNBC

Về dài hạn, các chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump có thể gây ra nhiều tác động tiêu cực đến nền kinh tế Mỹ, khi nhiều ngành quan trọng như nông nghiệp, sản xuất và năng lượng có nguy cơ chịu tổn thất lớn, kéo theo giảm sút việc làm và làm suy yếu năng lực cạnh tranh. Những tác động dây chuyền này có thể làm chậm đà tăng trưởng, đẩy giá cả tăng lên, hạn chế thương mại và ảnh hưởng đến chi tiêu của người tiêu dùng, vốn là trụ cột của nền kinh tế Mỹ. Đồng thời, vấn đề nợ công và thâm hụt ngân sách Mỹ đang ngày càng nghiêm trọng khi thâm hụt ngân sách đã đạt mức kỷ lục, tạo thêm gánh nặng tài chính cho quốc gia.

Trong bối cảnh kinh tế Mỹ có nhiều biến động, các tổ chức quốc tế đã đưa ra những dự báo trái chiều về triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ. Ngày 13/3, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) giữ nguyên dự báo tăng trưởng ở mức 2,4% cho năm 2025 và 2,3% cho năm 2026. Trong khi đó, ngày 17/3, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã hạ dự báo tăng trưởng của Mỹ cho năm 2025 xuống còn 1,6%. Tiếp theo, ngày 19/3, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cũng điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng năm 2025 từ 2,1% xuống 1,7%. Đáng chú ý, Ngân hàng Goldman Sachs tỏ ra thận trọng hơn khi hạ dự báo tăng trưởng chỉ còn 1% trong năm nay, phản ánh rõ mối lo ngại gia tăng về triển vọng kinh tế trong ngắn hạn.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỸ GIAI ĐOẠN 2025 - 2026



Nguồn: OPEC, OECD, Fed, Goldman Sachs

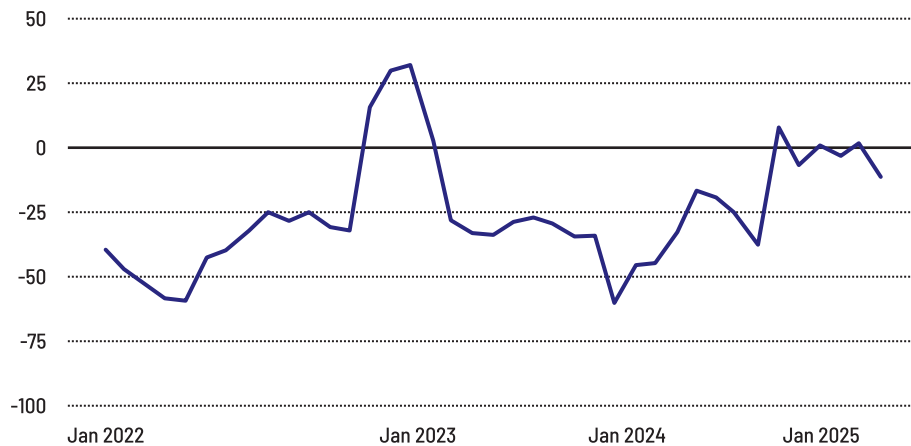
■ Trung Quốc

PMI sản xuất tháng 3/2025 đạt 51,2 điểm, tăng 0,4 điểm so với tháng 2/2025 (50,8 điểm). Đây là tháng thứ sáu liên tiếp chỉ số này đạt trên mức trung tính 50,0, báo hiệu sự cải thiện trong điều kiện của ngành sản xuất. Tăng trưởng sản xuất tăng tốc trong tháng thứ ba liên tiếp.

Kinh tế Trung Quốc phục hồi nhẹ trong tháng 3/2025. Tuy nhiên, sức ép giảm phát vẫn hiện hữu khi giá nhà cũ giảm 0,59% trong tháng 3, cao hơn mức giảm 0,42% của tháng 2, trong khi doanh số bán nhà mới của 100 doanh nghiệp bất động sản lớn tiếp tục suy giảm, do nhu cầu yếu và niềm tin thị trường suy giảm.

DOANH SỐ BÁN NHÀ TẠI TRUNG QUỐC TRONG THÁNG 3/2025

Đơn vị tính: % (single-month sales, Y/Y change)

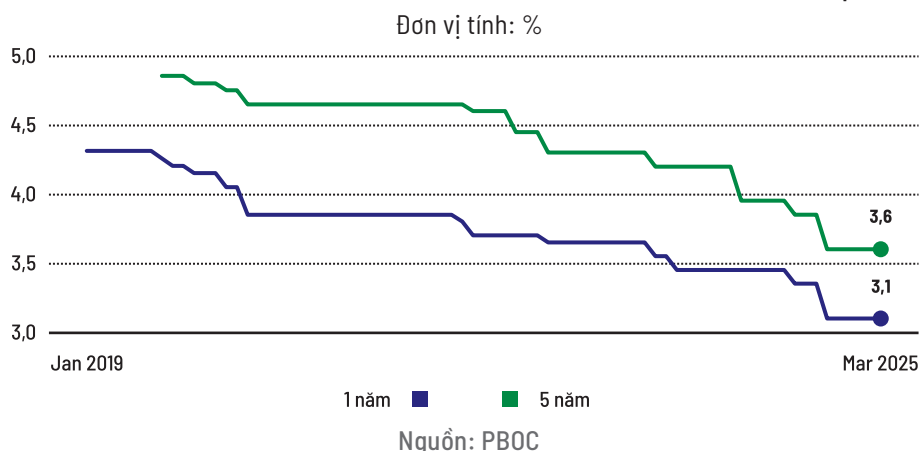


Nguồn: CRIC

Trong bối cảnh đó, ngày 16/3, Chính phủ Trung Quốc đã công bố “Kế hoạch hành động đặc biệt thúc đẩy tiêu dùng”, với loạt biện pháp như tăng thu nhập hộ gia đình, giảm nợ cá nhân, ổn định thị trường chứng khoán và phát triển các sản phẩm tài chính phù hợp với nhu cầu tiêu dùng mới.

Về chính sách tiền tệ, ngày 20/3, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm ở mức 3,1% và kỳ hạn 5 năm ở mức 3,6%, cho thấy Bắc Kinh đang ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng thông qua các biện pháp tài khóa thay vì tiếp tục nới lỏng tiền tệ. Trong khi đó, đồng Nhân dân tệ tiếp tục mất giá do lo ngại về triển vọng tăng trưởng yếu.

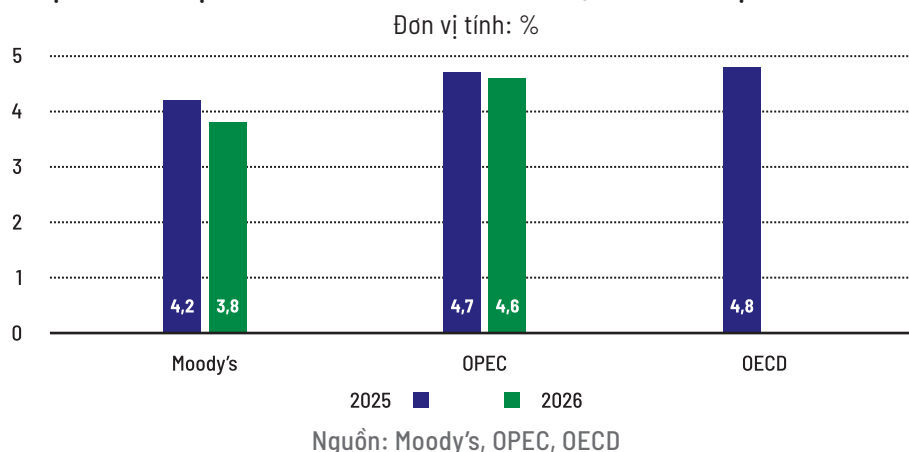
DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC



Trước hàng loạt khó khăn như khủng hoảng bất động sản kéo dài, tiêu dùng yếu, tình trạng già hóa dân số, thị trường lao động bất ổn, căng thẳng thương mại với Mỹ và đặc biệt việc Washington áp thuế đến 54% lên hàng hóa Trung Quốc, khiến xuất khẩu chịu nhiều rủi ro... Chính phủ Trung Quốc đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ như phát triển du lịch bằng cách đầu tư điểm đến mùa đông, mở rộng miễn thị thực, thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tầm thấp tại 15 thành phố cùng cam kết triển khai 100 dự án kinh tế tầm thấp từ nay đến năm 2025. Ngoài ra, nước này đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tiêu biểu là việc vận hành các “nhà máy tối” (dark factory) - mô hình nhà máy được tự động hóa hoàn toàn bằng trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT), như một hướng đi mới nhằm tăng năng suất lao động.

Về dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong thời gian tới, mặc dù chính phủ Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 5% trong năm 2025, nhưng nhiều tổ chức quốc tế vẫn tỏ ra khá thận trọng. Ngày 13/3, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's dự báo kinh tế Trung Quốc chỉ tăng trưởng 4,2% trong năm 2025 và giảm xuống 3,8% vào năm 2026, do tác động từ căng thẳng thương mại và các vấn đề cấu trúc nội tại. Cùng ngày, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc ở mức 4,7% cho năm 2025 và 4,6% cho năm 2026. Tiếp đó, ngày 17/3 của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sẽ đạt 4,8% trong năm 2025.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2025 - 2026



■ EU

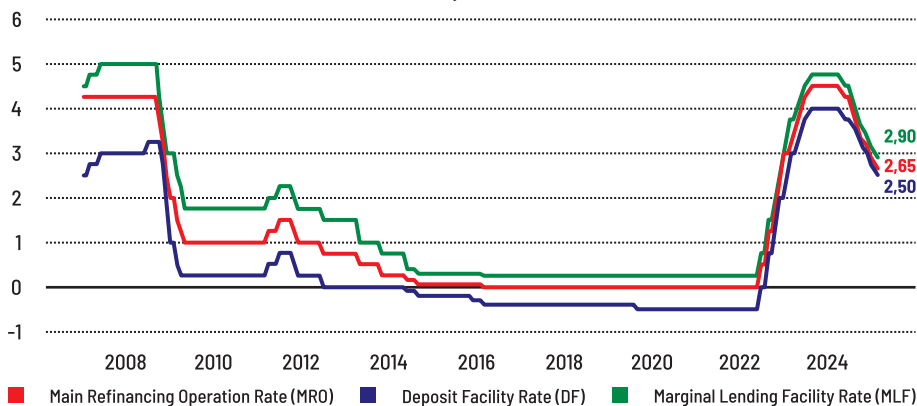
Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 3/2025 đạt 48,6 điểm, tăng 1,0 điểm so với tháng 2/2025 (đạt 47,6 điểm), tăng trong tháng thứ ba liên tiếp. Đây là mức tăng trưởng nhanh nhất trong gần ba năm. Mặc dù điều này vẫn chỉ ra sự suy giảm sức khỏe của lĩnh vực sản xuất hàng hóa, nhưng PMI báo hiệu mức giảm chỉ ở mức khiêm tốn và là mức giảm nhẹ nhất kể từ tháng 01 năm 2023.

Trong tháng 3/2025, kinh tế khu vực Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, mặc dù đã ghi nhận một số tín hiệu tích cực về mặt ổn định giá cả. Lạm phát trong tháng qua đã giảm xuống còn 2,2%, thấp hơn mức 2,3% của tháng 2, chủ yếu nhờ giá dịch vụ giảm nhẹ trong tháng. Về hoạt động sản xuất, chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tăng lên 48,7 điểm, cải thiện so với mức 47,6 điểm của tháng 2. Tuy nhiên, chỉ số PMI lĩnh vực dịch vụ lại giảm nhẹ xuống còn 50,4 điểm từ mức 50,6 điểm của tháng trước, phản ánh đà phục hồi của lĩnh vực dịch vụ vẫn còn yếu.

Ngày 6/3, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ khi quyết định giảm thêm 0,25 điểm phần trăm lãi suất cơ bản. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay cận biên và lãi suất tiền gửi lần lượt được điều chỉnh xuống còn 2,65%, 2,90% và 2,50%. Theo ECB, quá trình kiểm chế lạm phát đang diễn ra đúng hướng, song vẫn cảnh báo về những rủi ro bên ngoài có thể tác động đến đà phục hồi kinh tế khu vực.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU (ECB)

Đơn vị tính: %



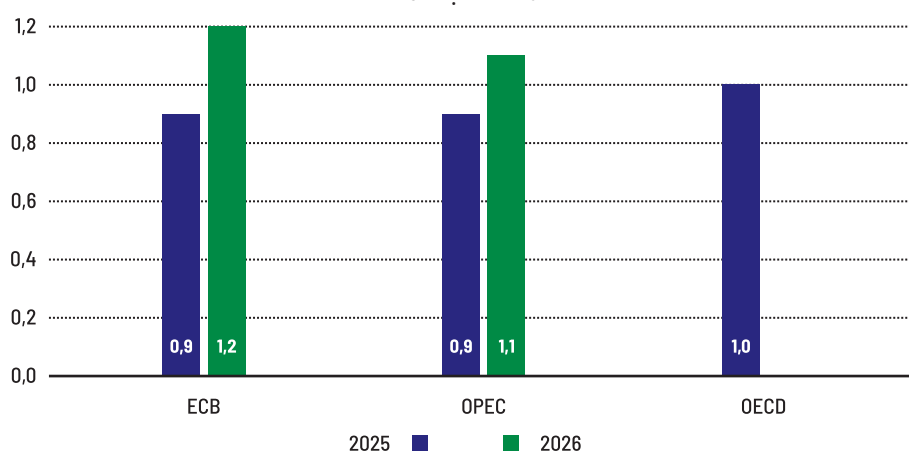
Nguồn: ECB

Đáng chú ý, trong tháng qua, giá năng lượng tại Liên minh châu Âu (EU) tăng lên mức cao nhất trong vòng hai năm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, đặc biệt là khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) từ Hoa Kỳ. Điều này đã khiến giá năng lượng leo thang, làm giảm sức cạnh tranh của ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành thép. Đồng thời, cuộc xung đột kéo dài tại Ukraine và chính sách thuế đối ứng từ chính quyền cựu Tổng thống Donald Trump tiếp tục làm gia tăng căng thẳng thương mại, làm đẩy nhanh dòng vốn chảy ra khỏi thị trường nội khối, ước tính lên tới 300 tỷ euro mỗi năm.

Về triển vọng tăng trưởng, ngày 6/3, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực châu Âu sẽ đạt 0,9% trong năm 2025, tiếp tục cải thiện lên 1,2% vào năm 2026 và đạt 1,3% vào năm 2027. Tiếp đó, ngày 13/3, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) cũng đưa ra dự báo tương tự, cho rằng tăng trưởng kinh tế khu vực đồng tiền chung eurozone cũng sẽ đạt 0,9% trong năm 2025 và đạt 1,1% vào năm 2026. Tuy nhiên, trái ngược với hai tổ chức trên, ngày 17/3, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng của khu vực châu Âu trong năm 2025 xuống còn 1%, so với mức 1,3% được công bố trước đó.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CHÂU ÂU GIAI ĐOẠN 2025 - 2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: Moody's, OPEC, OECD

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 3/2025, hàng loạt tổ chức quốc tế đã đưa ra những dự báo trái chiều về triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới trong giai đoạn tới, phản ánh triển vọng nhiều bất định và thách thức.

Ngày 13/3, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm *Moody's* dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng chậm lại còn 2,4% trong cả hai năm 2025 và 2026. Moody's cảnh báo các rủi ro đang nghiêng về phía tiêu cực khi kinh tế toàn cầu trở nên mong manh hơn trước các yếu tố bất ổn như chính sách thuế quan của Mỹ, căng thẳng thương mại gia tăng và niềm tin thị trường bị xói mòn.

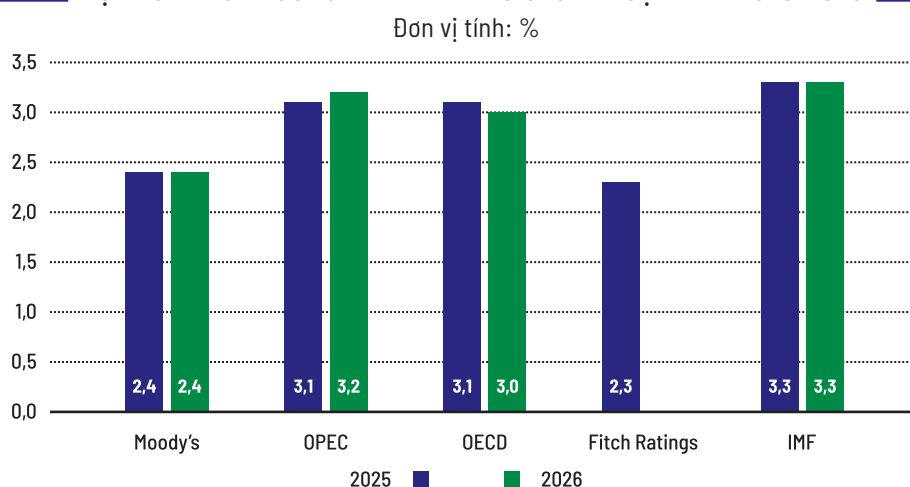
Cùng ngày, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới ở mức 3,1% cho năm 2025 và 3,2% cho năm 2026.

Trong khi đó, ngày 17/3, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới, với mức tăng trưởng dự kiến là 3,1% vào năm 2025 và tiếp tục giảm xuống 3% vào năm 2026.

Đồng quan điểm thận trọng với OECD, ngày 18/3, *Fitch Ratings* cũng hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 xuống còn 2,3%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 12/2024.

Ngược lại, ngày 26/3, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) lại đưa ra cái nhìn tích cực hơn, khi dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ đạt 3,3% trong cả hai năm 2025 và 2026, tuy nhiên, IMF cũng lưu ý rằng các rủi ro địa chính trị và biến động giá cả có thể tiếp tục gây sức ép lên triển vọng tăng trưởng toàn cầu.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2026



Nguồn: Vibiz Monitoring



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM



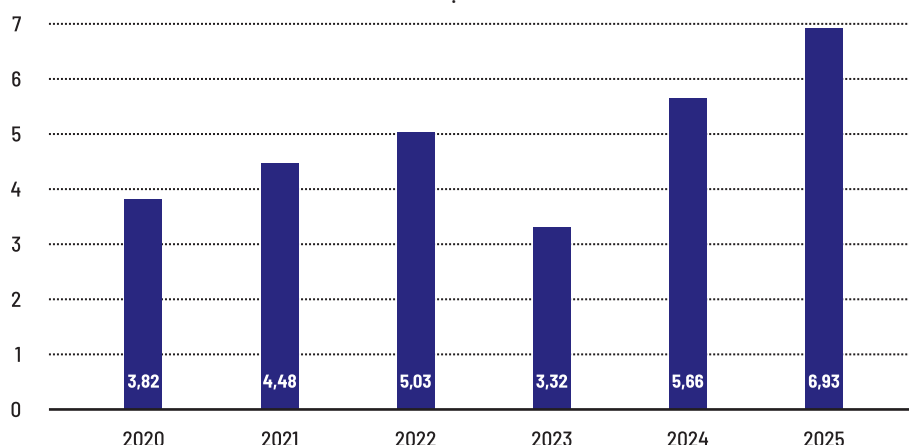
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 3/2025

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam trong quý 1/2025 ước tính tăng trưởng mạnh mẽ 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu mức tăng trưởng cao nhất so với Quý I của các năm trong giai đoạn 2020-2025.

TỐC ĐỘ TĂNG GDP QUÝ I GIAI ĐOẠN 2020-2025

Đơn vị tính: %

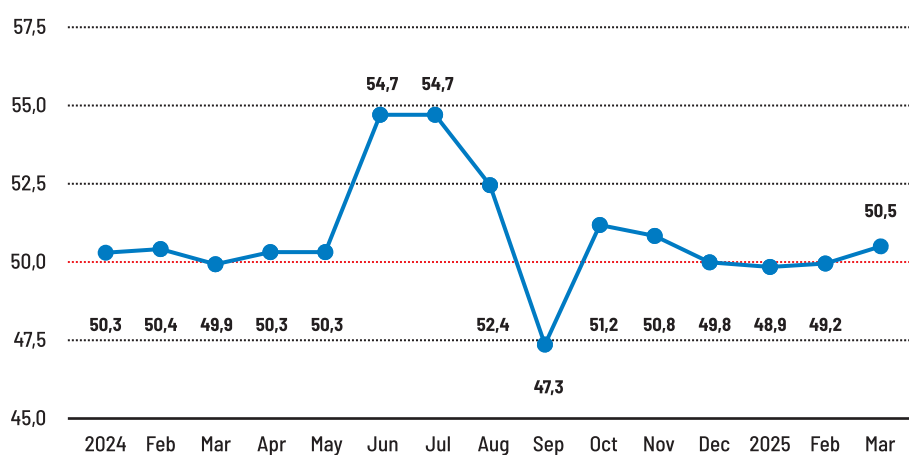


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam **đạt 50,5 điểm trong tháng 3/2025, tăng 1,3 điểm so với 49,2 điểm của tháng 2/2025, vượt qua ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên sau 4 tháng**. Kết quả này phản ánh sản lượng đã tăng lần đầu trong ba tháng trong tháng 3/2025, và mức độ tăng là lớn nhất kể từ tháng 8 năm 2024.

Tuy nhiên, mức phục hồi vẫn còn yếu do nhu cầu thị trường chưa thực sự bền vững, niềm tin của doanh nghiệp ở mức thận trọng và áp lực cạnh tranh vẫn lớn, đặc biệt là từ hàng nhập khẩu giá rẻ.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 1/2024 - 3/2025



Nguồn: S&P Global

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý I/2025 ước tăng 7,6% so với năm trước (năm 2024 tăng 5,9%), trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5% (năm 2024 tăng 6,0%), đóng góp 7,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,6%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,6%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 4,7%, làm giảm 0,7 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 59 địa phương và giảm ở 04 địa phương trên cả nước.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 3/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 75,39 tỷ USD, tăng 18,2% so với tháng trước và tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 202,52 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 17,0%.

■ Xuất khẩu hàng hóa:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 3/2025 đạt 38,51 tỷ USD, tăng 23,8% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 102,84 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 29,02 tỷ USD, tăng 15,0%, chiếm 28,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 73,82 tỷ USD, tăng 9,0%, chiếm 71,8%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu quý I/2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 90,92 tỷ USD, chiếm 88,4%.

■ *Nhập khẩu hàng hóa:*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 3/2025 đạt 36,88 tỷ USD, tăng 12,9% so với tháng trước và tăng 19,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 99,68 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 36,78 tỷ USD, tăng 19,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 62,9 tỷ USD, tăng 15,8%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu quý I/2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 93,51 tỷ USD, chiếm 93,8%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 3/2025 xuất siêu 1,63 tỷ USD. Tính chung quý I/2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3,16 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 7,7 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 7,76 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 10,92 tỷ USD.

Trong thời gian tới, các chính sách thuế quan mới của Mỹ dự báo sẽ tác động mạnh đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam. Theo chính sách này, mức thuế nhập khẩu chung vào Mỹ là 10%, tuy nhiên riêng đối với Việt Nam, mức thuế được đề xuất lên tới 46%, thuộc nhóm các quốc gia chịu mức thuế cao nhất, do bị cáo buộc thao túng tiền tệ và thặng dư thương mại lớn. Việc áp thuế cao sẽ làm tăng giá hàng Việt Nam tại Mỹ, giảm sức cạnh tranh so với các đối thủ như Ấn Độ, Bangladesh... Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dệt may, giày dép, điện tử và gỗ khi phải đối diện với nguy cơ sụt giảm kim ngạch mạnh.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 3/2025, cả nước có hơn 15,6 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 54,2% so với tháng trước và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; có hơn 9,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 29,3% và gấp hơn 3 lần; có 4.392 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 23,6% và tăng 6,1%; có 4.899 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 64,9% và giảm 1,6%; có 2.137 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23,0% và tăng 54,4%.

Tính chung quý I/2025, cả nước có hơn 72,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có hơn 24,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 78,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có gần 26,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/3/2025 đạt 10,98 tỷ USD, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2025 ước đạt 4,96 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

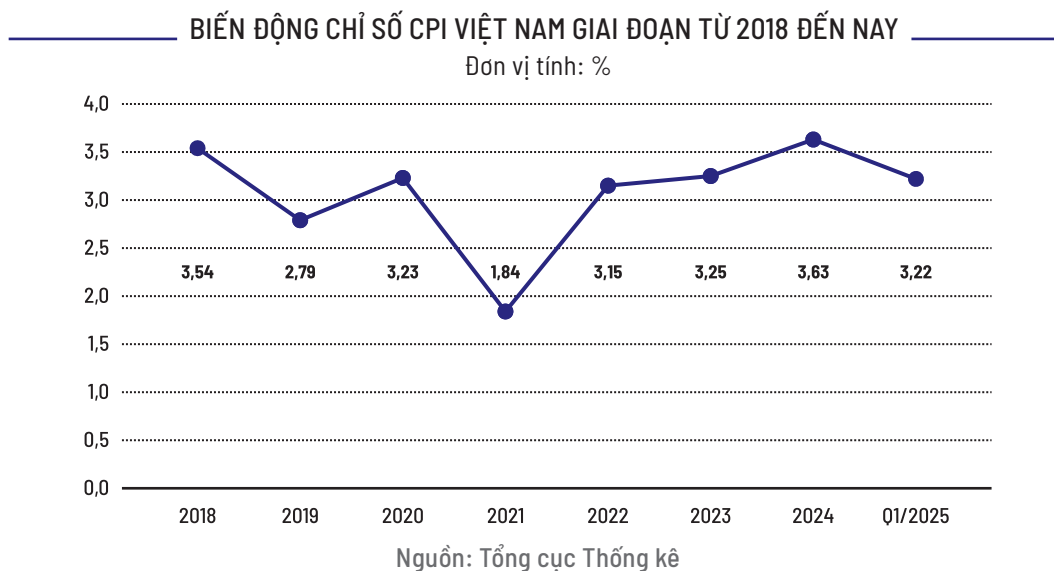
Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2025 theo giá hiện hành ước đạt 666,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 3 tháng đầu năm 2025 có 30 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 233,6 triệu USD, gấp 9,4 lần cùng kỳ năm trước; có 05 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 5,4 triệu USD, gấp 24,3 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt gần 239 triệu USD, gấp 9,5 lần cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công ước tính trong 3 tháng đầu năm đang thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 đạt 11,64% kế hoạch và 12,27% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Ước giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/3/2025 là 79.395,3 tỷ đồng, đạt 8,94% tổng kế hoạch (888.087 tỷ đồng). Trong đó, riêng giải ngân vốn kế hoạch năm 2025, ước giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/3/2025 là 78.712 tỷ đồng, đạt 8,98% kế hoạch, đạt 9,53% kế hoạch Thủ tướng giao (cùng kỳ năm 2024 đạt lần lượt là 11,64% và 12,27%).

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2025 giảm 0,03% so với tháng trước, nguyên nhân chính do giá xăng dầu, giá gạo giảm theo giá thế giới. So với tháng 12/2024, CPI tháng 3/2025 tăng 1,3% và tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2025, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 3,01%.



1.2. Thị trường tài chính – tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 25/3/2025, nhu cầu vốn đã có sự trở lại mạnh mẽ khi mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, đẩy tín dụng tăng dần về cuối quý đầu năm nay, đạt mức 2,5%, tổng phương tiện thanh toán tăng 1,99% so với cuối năm 2024, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng chỉ 0,23% cùng thời điểm năm ngoái. Huy động vốn của các tổ chức tín dụng cũng tăng trưởng 1,36%, ngược lại với mức giảm 0,76% trong cùng kỳ năm 2024. Đặc biệt, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,49%, vượt xa mức tăng chỉ 0,26% của cùng kỳ năm ngoái.

Tính đến hết quý I/2025, tăng trưởng tín dụng đạt 3,93%, gấp 2,5 lần so với mức 1,42% của cùng kỳ năm trước. Ước tính, đến cuối quý I/2025, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế sẽ tăng lên gần 16,230 triệu tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 613.715 tỷ đồng chỉ trong 3 tháng đầu năm.

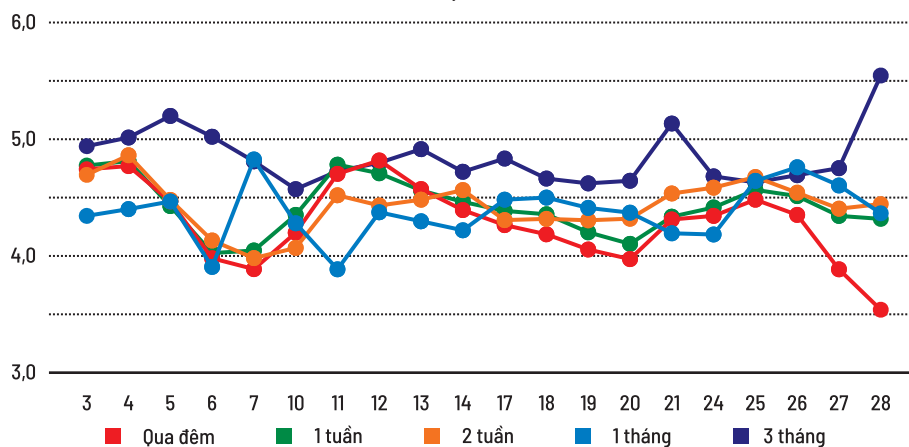
Trong năm 2025, tăng trưởng tín dụng được kỳ vọng đạt 17-18%, nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của ngành sản xuất và tiêu dùng, cùng với việc giải ngân đầu tư công tiếp tục ở mức cao.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 3/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng có sự phân hóa rõ rệt giữa các kỳ hạn. Đầu tháng, lãi suất giao dịch tương đối ổn định quanh mức 4,5 - 5%. Tuy nhiên, vào giữa tháng, lãi suất kỳ hạn qua đêm có xu hướng giảm, có thời điểm xuống dưới 4% do thanh khoản hệ thống được bổ sung. Trong khi đó, đến cuối tháng, lãi suất các kỳ hạn ngắn và dài đều có dấu hiệu tăng trở lại, cho thấy nhu cầu vốn có sự điều chỉnh vào cuối kỳ.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 3/2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

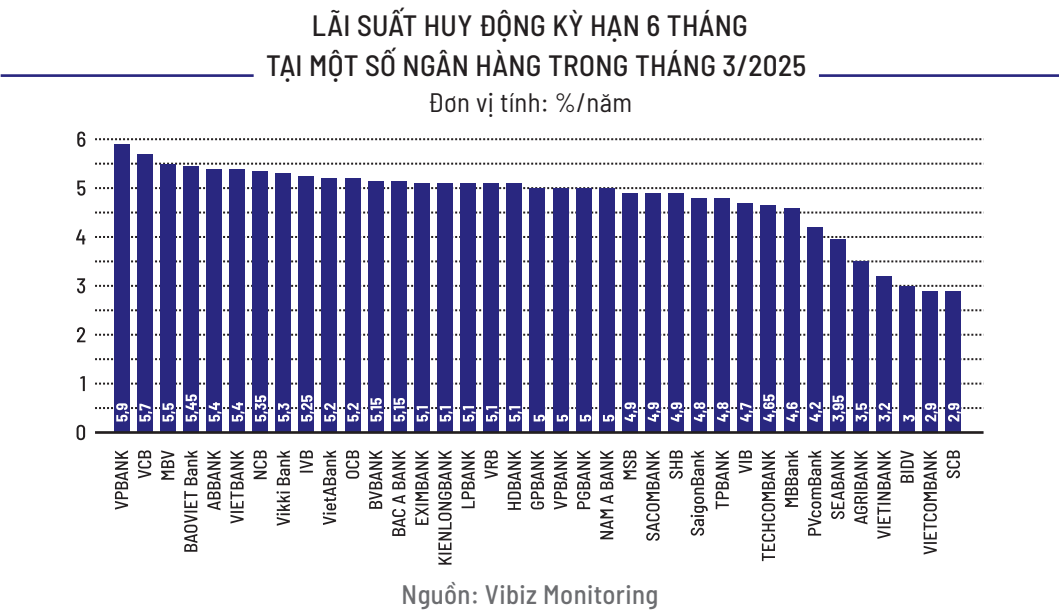
Tính đến tháng 3/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 3/2025					
LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 3/2025, đã có tới 21 ngân hàng thương mại trong nước giảm lãi suất tiền gửi, gồm: PGBank, Viet A Bank, Kienlongbank, Bac A Bank, Eximbank, LPBank, Nam A Bank, NCB, SHB, VCBNeo, VIB, Vikki Bank, MBV, BIDV, Techcombank, VietinBank, OCB, ABBank, BaoVietBank, BVBank, VBank. Đáng chú ý, Eximbank có tới 4 lần, Kienlongbank 3 lần, PGBank và LPBank hai lần giảm lãi suất trong tháng qua.

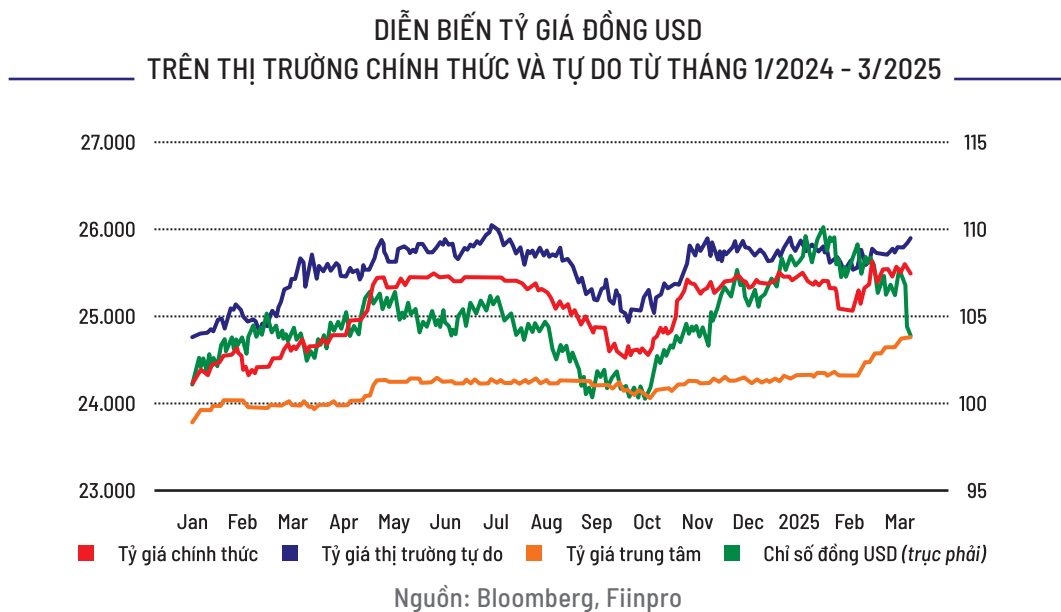
Lãi suất tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% - 4,5%. Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 2,9% - 5,9%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 12 tháng có biên độ dao động từ 3,7% - 9%.



1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 3/2025, tỷ giá USD tại Việt Nam trên cả thị trường chính thức và tự do đều có xu hướng tăng. Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do trong tháng qua dao động quanh mức 25.685 VND/USD. Đáng chú ý, chỉ số giá đô la Mỹ trong tháng 3/2025 ghi nhận mức tăng 0,77% so với tháng trước, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,92% so với tháng 12/2024. Điều này phản ánh tỷ giá có phần hạ nhiệt so với cuối năm trước nhưng vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng so với năm 2024.

Tính chung quý I/2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,63%, cho thấy xu hướng tăng trưởng chung của đồng USD trong những tháng đầu năm 2025.



1.2.4. Chỉ số giá vàng

Tháng 3/2025, giá vàng trong nước và thế giới tăng lên đỉnh kỷ lục mới cao nhất mọi thời đại do tác động tổng hợp từ nhiều yếu tố kinh tế và địa chính trị. Căng thẳng toàn cầu gia tăng, đặc biệt là kế hoạch áp thuế mới của Hoa Kỳ, đã làm gia tăng sự bất ổn trên thị trường càng củng cố vai trò của vàng như nơi trú ẩn an toàn, góp phần làm cho giá vàng càng tăng cao.

Tính đến ngày 28/3/2025, bình quân giá vàng thế giới ở mức 3.000,08 USD/ounce, tăng 10,31% so với tháng 02/2025. Goldman Sachs đã nâng dự báo giá vàng cuối năm 2025 lên 3.300 USD/ounce (từ mức 3.100 USD/ounce trước đó).

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 3/2025 tăng 4,68% so với tháng trước; tăng 32,68% so với cùng kỳ năm trước; tăng 10,75% so với tháng 12/2024; bình quân quý I/2025, chỉ số giá vàng tăng 31,45%. Bình quân giá vàng giao động trong khoảng 101,2-103,5 triệu đồng/lượng.

1.2.5. Chứng khoán

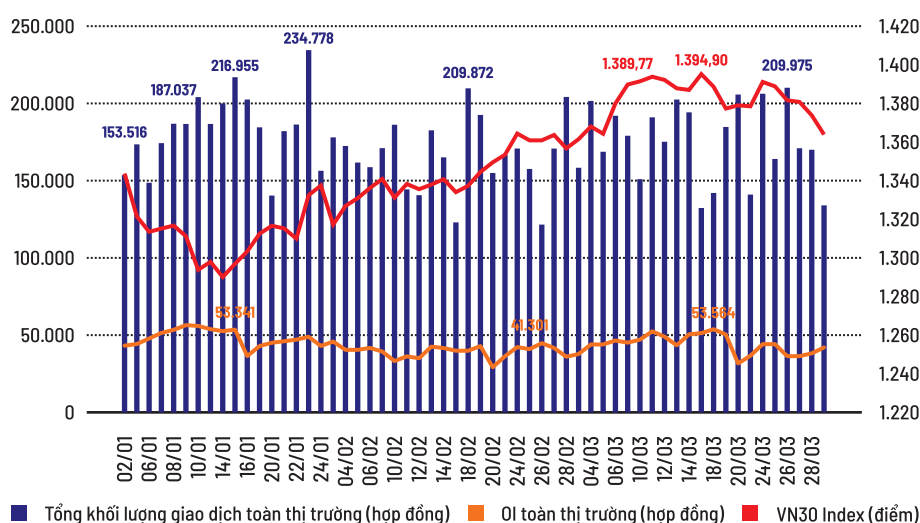
Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 3/2025 chứng kiến nhiều biến động mạnh khi chỉ số VN-Index liên tục điều chỉnh ở các phiên cuối tháng do áp lực chốt lời và tâm lý thận trọng của nhà đầu tư tại vùng giá cao. Dù vậy, nhờ lực tăng tích cực đầu tháng, VN-Index vẫn ghi nhận mức tăng nhẹ 0,11% so với tháng trước.

Thanh khoản thị trường cải thiện đáng kể với giá trị giao dịch bình quân đạt 18.100 tỷ đồng/phiên, tăng 27% so với tháng 2/2025. Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa tại 235,06 điểm, giảm 1,72%, phản ánh sự suy yếu ở nửa cuối tháng. Sự thận trọng của bên mua cùng sức ép từ bên bán khiến thanh khoản sụt giảm mạnh ở các phiên điều chỉnh cuối tháng.

Về diễn biến theo ngành, thị trường tháng 3/2025 nhuộm sắc đỏ ở nhiều nhóm cổ phiếu, đặc biệt là công nghệ và truyền thông, trong đó cổ phiếu FPT có tác động tiêu cực rõ rệt đến VN-Index. Ngược lại, nhóm bất động sản và ô tô, phụ tùng xuất hiện điểm sáng nhẹ, trong khi nhóm dầu khí ghi nhận diễn biến ấn tượng nhất khi tất cả các mã lớn như BSR, OIL, PLX, PVS... đều giữ được sắc xanh, được thúc đẩy bởi thông tin Việt Nam ký kết hiệp định thương mại trị giá 90 tỷ USD với Mỹ.

Trên thị trường phái sinh, hoạt động giao dịch tăng trưởng ổn định với số lượng tài khoản đạt gần 2 triệu, khối lượng giao dịch bình quân hợp đồng tương lai VN30 đạt hơn 175.000 hợp đồng/phiên, tăng 4,95%. Giá trị giao dịch danh nghĩa bình quân đạt 24.136 tỷ đồng, tăng 7,75%, trong khi khối lượng hợp đồng mở (OI) cuối tháng tăng mạnh 13,67%, thể hiện sự quan tâm ngày càng cao từ nhà đầu tư.

DIỄN BIẾN KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG MỞ (OI)
VÀ VN30 INDEX TỪ THÁNG 1/2025 ĐẾN HẾT THÁNG 3/2025



Nguồn: Thời báo Ngân hàng

Về phía doanh nghiệp, một số doanh nghiệp nhà nước lớn như ACV, PVOIL và DRI đã có bước tiến quan trọng khi hoàn tất xử lý các vướng mắc để chuẩn bị chuyển sản niêm yết, được kỳ vọng sẽ cải thiện thanh khoản và sức hấp dẫn của thị trường. Đồng thời, tháng 4 là mùa cao điểm của các đại hội cổ đông, nơi doanh nghiệp công bố kế hoạch kinh doanh 2025, đây là một yếu tố tạo động lực tăng giá mới cho cổ phiếu.

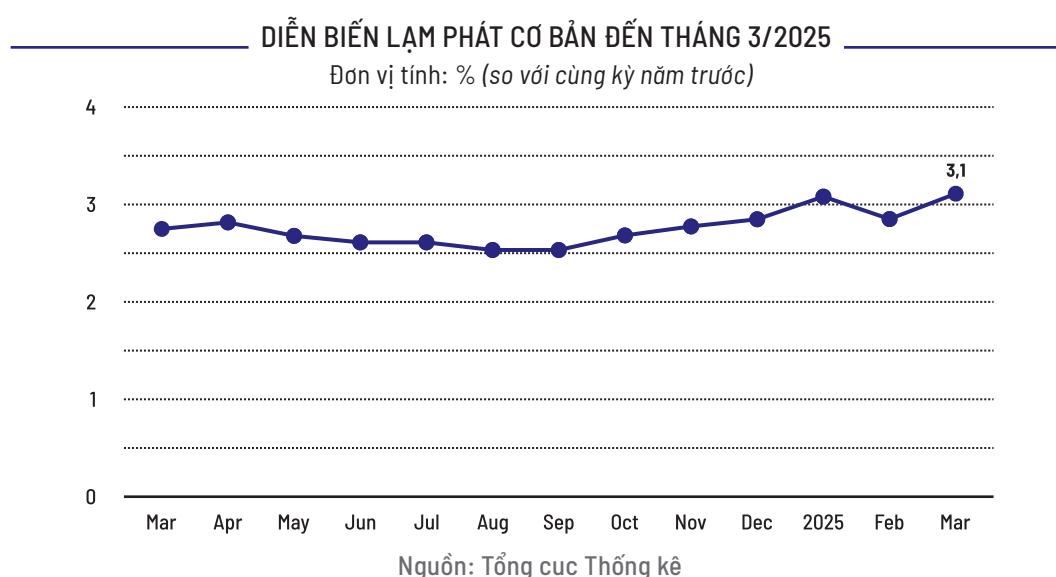
Nhìn chung, dù thị trường đang trong nhịp điều chỉnh ngắn hạn, các yếu tố hỗ trợ vĩ mô như tăng trưởng tín dụng, tiến trình nâng hạng thị trường, cải tiến hệ thống giao dịch và đẩy mạnh đầu tư công vẫn tạo nền tảng tích cực cho năm 2025. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 xoay quanh hai kịch bản chính: tích cực và tiêu cực.

Trong kịch bản tích cực, VN-Index vượt 1.320 điểm với thanh khoản cải thiện, được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu chứng khoán, bất động sản, thép và đầu tư công.

Trong kịch bản tiêu cực, thị trường chỉ hồi phục kỹ thuật lên vùng 1.320 điểm rồi quay đầu giảm do ảnh hưởng từ mức thuế đối ứng cao từ Mỹ, có thể kéo VN-Index về vùng đáy thứ hai tại 1.295 – 1.305 điểm.

1.2.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 3/2025 tăng 0,25% so với tháng trước và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2025, lạm phát cơ bản tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,22%) chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.



2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- *Từ ngày 2/5/2025, áp dụng quy định mới về điều hành giá xăng dầu, bỏ tổ liên ngành và cơ chế quỹ bình ổn giá*

Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư số 18 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu. Thông tư 18/2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 2/5/2025. Một trong những nội dung nổi bật của Thông tư số 18/2025 là việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014 của Bộ Công Thương.

Cụ thể, Bộ Công Thương bổ sung quy định về báo cáo tình hình sử dụng kho xăng dầu áp dụng đối với thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối xăng dầu sở hữu kho xăng dầu cho thuê và đi thuê kho xăng dầu; giao trách nhiệm quản lý nhà nước về tình hình sử dụng kho.

Theo đó, đối với các thương nhân là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu có kho xăng dầu thuộc sở hữu cho các thương nhân kinh doanh xăng dầu khác thuê sử dụng có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý tình hình sử dụng kho và cho thuê kho gửi về Bộ Công Thương và Sở Công Thương tại địa bàn thương nhân cho thuê kho trước ngày 10 của tháng đầu tiên của kỳ kế tiếp.

Cùng với đó, Thông tư 18 cũng bãi bỏ các Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 tại Thông tư liên tịch số 39 ngày 29/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng và điều hành giá xăng dầu.

Với việc bãi bỏ này, cơ chế tổ liên ngành trong điều hành giá xăng dầu sẽ không còn tồn tại. Thay vào đó, để kiện toàn quy trình điều hành giá xăng dầu theo các quy định mới và kết luận của các cơ quan thanh tra cũng như thực tiễn điều hành giá xăng dầu hiện nay, trên cơ sở số liệu về các yếu tố cấu thành giá cơ sở xăng dầu và ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương sẽ công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu. Bộ Công Thương sẽ xác định từng mặt hàng xăng, dầu tiêu dùng nhiều nhất thuộc các nhóm mặt hàng xăng sinh học, xăng khoáng, dầu diesel, dầu hỏa và dầu mazut để thực hiện công bố giá cơ sở.

- *Đề xuất ban hành quy định thay thế xăng khoáng bằng xăng sinh học*

Sở Công Thương TP.HCM cho biết, để đảm bảo lộ trình phân phối xăng sinh học trên địa bàn thành phố, đồng thời có cơ sở để kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Quyết định 53/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Sở đề xuất và kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, ban hành quy định thay thế toàn bộ sản phẩm xăng khoáng bằng xăng sinh học; xây dựng kế hoạch đảm bảo nguồn cung E100 cho sản xuất, phối trộn; và cung ứng xăng E5 để các địa phương có cơ sở, căn cứ triển khai đồng bộ.

Đồng thời, xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư tư nhân vào lĩnh vực phân phối nhiên liệu sinh học; chính sách hỗ trợ cụ thể đối với thương nhân đầu mối, đại lý, cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong việc cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất để tiếp nhận, bán xăng E5.

Bên cạnh đó, các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tạo sự cách biệt về giá giữa xăng E5 và xăng khoáng 95. Đẩy mạnh tuyên truyền, trong đó có kênh mạng xã hội để phổ biến lợi ích kinh tế và môi trường của nhiên liệu sinh học. Cung cấp, ban hành đến địa phương các thông tin cơ bản làm rõ lợi ích của việc sử dụng xăng E5, khẳng định về chất lượng, kỹ thuật để người tiêu dùng yên tâm sử dụng xăng E5.

■ *Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đề xuất sửa một số quy định và xin cơ chế đặc biệt nhằm tháo gỡ loạt khó khăn đang bủa vây công ty*

Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đang đối diện với hàng loạt khó khăn trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh sản xuất, đòi hỏi việc điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật liên quan. Điển hình, do không thuộc diện là thương nhân có giấy phép kinh doanh xuất/nhập khẩu xăng dầu nên BSR không thực hiện được việc tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu dầu thô theo quy định của Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

Để giải quyết vấn đề này, BSR đề xuất ý kiến, mong muốn tỉnh Quảng Ngãi đề nghị sửa đổi Nghị định 83 theo hướng Công ty có thể bán lại các lô dầu thô đã mua từ nước ngoài chưa nhập khẩu vào Việt Nam trong một số trường hợp như: thị trường bị ảnh hưởng (bởi thiên tai, dịch bệnh hay chiến tranh), nhà máy gặp sự cố, dừng vận hành hoặc không có nhu cầu sử dụng.

Vấn đề tiếp theo là cạnh tranh trên thị trường sản phẩm lọc hóa dầu nội địa, khi nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (NSRP) đi vào sản xuất từ giữa 2018.

BSR cho rằng, với các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011 của Thủ tướng, sản lượng xăng dầu cung ứng trên thị trường có thời điểm sẽ vượt nhu cầu nội địa, hoặc sản phẩm xăng dầu của BSR không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa.

Điều này, ngoài phương án tối đa tiêu thụ trong nước, BSR buộc phải có kế hoạch xuất khẩu ra nước ngoài và thực tế hàng năm, BSR xuất khẩu khoảng 140 - 150 nghìn tấn FO. Tuy nhiên, sản phẩm xuất khẩu của BSR không thuộc đối tượng chịu thuế VAT, dẫn đến phần thuế không được khấu trừ này lại được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. Tình trạng trên làm giảm lợi thế cạnh tranh và gây bất lợi cho BSR trong quá trình kinh doanh. Đặc biệt, BSR e ngại không đủ nguồn vốn chủ để phục vụ đầu tư dự án nâng cấp mở rộng lọc dầu Dung Quất cũng như các dự án khác.

Một vấn đề khác, trong trường hợp BSR phải xuất khẩu khi nhà máy phải dừng sản xuất, thì mức thuế xuất khẩu (đối với dầu thô mỏ Bạch Hổ mà nhà máy đã mua trước đó để làm nguyên liệu đầu vào sản xuất, phối trộn) có thể được tính thêm lần nữa cho BSR. Điều này dẫn tới BSR xuất khẩu không hiệu quả hoặc không thể xuất khẩu được.

Phương án mong muốn của BSR là sửa đổi Thông tư 176/2014 của Bộ Tài chính theo hướng cho phép BSR được hoàn/khấu trừ thuế đặc biệt khi phải xuất khẩu để tăng độ linh hoạt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.

Một trở lực khác, liên quan đến hơn 2.700 tỷ đồng tiền gửi tại Oceanbank (hiện đã sáp nhập vào MBbank) và bị đóng băng trong thời gian dài, BSR đề nghị sớm giải tỏa khoản tiền trên để phục vụ phát triển, đầu tư các dự án.

Ngoài ra, việc mở rộng lọc dầu Dung Quất, dự án trọng điểm hiện tại của BSR, hiện gặp không ít khó khăn kéo dài, đặc biệt về giải phóng mặt bằng, bồi thường (kéo dài từ năm 1998), thủ tục xin thuê đất có nguy cơ ảnh hưởng đến thời gian dự kiến thi công từ tháng 6 năm nay.

Một trở ngại cũng “đe dọa” mốc thi công hoàn thành san lấp mặt bằng dự án là thủ tục đấu giá/phê duyệt đấu giá và cấp phép khai thác các mỏ vật liệu đất sẽ mất nhiều thời gian.

BSR cho biết, việc chậm trễ xử lý các vấn đề nêu trên đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đánh giá và quyết định cho vay vốn của dự án từ các tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECAS) và ngân hàng quốc tế.

Đáng chú ý, BSR đề nghị cho dự án Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia và công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Luật Đầu tư 2020.

Theo hướng này, BSR mong muốn cơ chế chính sách ưu đãi đặc biệt để khuyến khích phát triển các dự án thuộc Trung tâm, bao gồm hàng loạt các nội dung như: miễn tiền thuê/sử dụng đất và mặt nước trong thời gian thực hiện dự án, hưởng thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm, hỗ trợ/bảo lãnh vay vốn ưu đãi cho các dự án năng lượng tái tạo.

■ *Giảm thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng từ 31/3/2025*

Chính phủ đã ban hành Nghị định 73/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2025 sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng quy định tại Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP thành các mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (31/3/2025). Trong đó, đối với mặt hàng ethanol, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi được giảm từ 10% xuống 5%. Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) giảm từ 5% xuống 2%. Đối với mặt hàng ethane, bổ sung mã HS 2711.19.00 vào Chương 98 với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 0%.

THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG TỪ 31/3/2025

Đơn vị tính: %

MẶT HÀNG	Thuế suất MFN trước khi điều chỉnh	Mức điều chỉnh có hiệu lực từ 31/3
Một số loại ô tô	45-64	32-50
Ethanol	10	5
Đùi gà đông lạnh	20	15
Hạt dẻ cười chưa bóc vỏ	15	5
Hạnh nhân	10	5
Táo tươi	8	5
Anh đào ngọt (cherry)	10	5
Nho khô	12	5
Một số mặt hàng gỗ	20-25	0
Khí hóa lỏng (LNG)	5	2
Ethane	-	0
Khô đậu tương	1-2	0
Ngô hạt	2	0

Nguồn: Nghị định 73/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2025

sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng

■ **Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục giảm thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đến hết năm 2026**

Bộ Tài chính có công văn số 3624/BTC-CST về việc xin ý kiến đối với dự án Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế Giá trị gia tăng (GTGT) từ ngày 1/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026. Theo đó, Bộ Tài chính tiếp tục đề xuất giảm 2% thuế suất thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng).

Đề xuất này dựa trên cơ sở chính sách giảm 2% đã được thực hiện ổn định trong giai đoạn từ năm 2022 đến nay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 101/2023/QH15, Nghị quyết số 110/2023/QH15, Nghị quyết số 142/2024/QH15, Nghị quyết số 174/2024/QH15, đồng thời bảo đảm đạt mục tiêu thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, du lịch, tiêu dùng trong nước và mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên.

Việc giảm thuế GTGT tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước nhưng cũng có tác động kích thích sản xuất, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng cuối năm 2025. Đồng thời, chính sách này không ảnh hưởng tới các cam kết quốc tế.

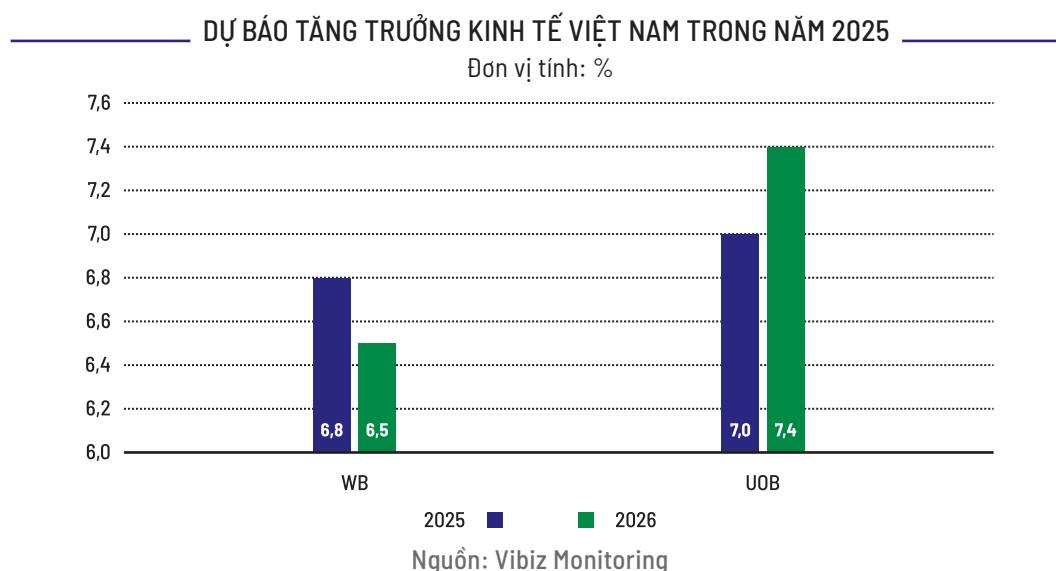
Đánh giá về tác động giảm thu ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính cho biết, nếu chính sách này được thông qua, dự kiến số giảm thu ngân sách nhà nước trong 6 tháng cuối năm 2025 và cả năm 2026 tương đương khoảng 121,74 nghìn tỷ đồng (trong đó: 6 tháng cuối năm 2025 giảm khoảng 39,54 nghìn tỷ đồng, năm 2026 giảm khoảng 82,2 nghìn tỷ đồng).

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong tháng 3/2025, bất chấp những thách thức từ môi trường bên ngoài, đặc biệt là những yếu tố liên quan đến chính sách thuế quan của Mỹ, các tổ chức tài chính quốc tế vẫn duy trì cái nhìn lạc quan về triển vọng kinh tế của Việt Nam.

Ngày 12/3, *Ngân hàng Thế giới (WB)* dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,8% trong năm 2025 và giảm nhẹ xuống 6,5% vào năm 2026. WB nhận định rằng các hoạt động kinh tế trong nước, đặc biệt là khu vực dịch vụ, sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2025. Đồng thời, thị trường bất động sản được kỳ vọng sẽ dần lấy lại đà phát triển ổn định vào năm 2026. Tuy nhiên, WB cũng cảnh báo rằng triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều yếu tố bất định đang gia tăng.

Cũng trong ngày 12/3, với quan điểm lạc quan hơn về kinh tế Việt Nam, *Ngân hàng United Overseas Bank (UOB)* dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 ở mức 7% và nâng dự báo năm 2026 lên 7,4%, phản ánh niềm tin vào hiệu quả của các chính sách điều hành kinh tế và sự cải thiện trong môi trường đầu tư tại Việt Nam.





THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO



1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 3, tình hình nguồn cung dầu thô toàn cầu tiếp tục diễn ra phức tạp với sự biến động lớn từ các quốc gia sản xuất chủ chốt, các yếu tố địa chính trị và loạt các biện pháp cấm vận thương mại.

Lượng dầu thô xuất khẩu toàn cầu trong tháng đạt trung bình 39,92 triệu thùng mỗi ngày, tăng nhẹ so với tháng trước. Đáng chú ý, sản lượng xuất khẩu từ Brazil, Canada và Nga tăng mạnh, đặc biệt Brazil tăng thêm 220.000 thùng/ngày và Canada gần 190.000 thùng/ngày, trong khi nguồn cung từ Mỹ và khu vực Biển Bắc lại sụt giảm đáng kể.

Tại Trung Đông, xuất khẩu từ Ả Rập Xê-út và Iraq đều giảm do áp lực từ thỏa thuận hạn ngạch của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và đồng minh (OPEC+). Tổng sản lượng của khối OPEC+ trong tháng giảm xuống còn 27,43 triệu thùng/ngày. Trong đó, Nigeria chịu ảnh hưởng lớn nhất khi vụ cháy đường ống Trans - Niger gây gián đoạn kéo dài.

Bên cạnh đó, việc Mỹ công bố loạt biện pháp trừng phạt mới nhắm vào dầu thô từ Iran và Venezuela, làm trầm trọng thêm tình trạng bất định trên thị trường. Xuất khẩu dầu từ Venezuela trong tháng 3 giảm tới 11,5%. Các biện pháp trừng phạt cũng khiến dòng chảy dầu từ Iran sang Trung Quốc bị chậm lại, dù một phần nguồn cung vẫn được duy trì nhờ tàu vận chuyển không nằm trong diện bị trừng phạt.

Tại châu Âu, nguồn cung dầu từ Nga đến Cộng hòa Séc qua đường ống Druzhba bị gián đoạn do vướng mắc thanh toán, song đã được nối lại với Hungary sau khi khắc phục hậu quả từ một vụ tấn công bằng UAV.

Ngoài ra, bất chấp những ràng buộc, sản lượng dầu từ Kazakhstan đã đạt mức cao nhất trong lịch sử vào tháng 3, cho thấy các nước ngoài OPEC như Mỹ và Kazakhstan vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì nguồn cung toàn cầu.

■ Cầu dầu mỏ:

Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ trong tháng 3, đặc biệt tại khu vực châu Á, nơi dẫn đầu về tiêu thụ năng lượng.

Trong tháng qua, Ấn Độ ghi nhận lượng nhập khẩu dầu thô vượt ngưỡng 5 triệu thùng/ngày, mức cao nhất trong hơn 15 năm nhờ nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng mạnh, công suất lọc dầu đạt đỉnh và điều kiện mua dầu từ Nga trở nên thuận lợi hơn.

Tại Trung Quốc, nhu cầu dầu vẫn giữ ở mức cao nhờ các hoạt động sản xuất công nghiệp phục hồi và nhu cầu vận tải gia tăng. Các nhà máy lọc dầu tại Trung Quốc tiếp tục duy trì công suất vận hành cao, trong khi tăng cường nhập khẩu dầu từ Nga, Trung Đông và các nguồn không bị trừng phạt.

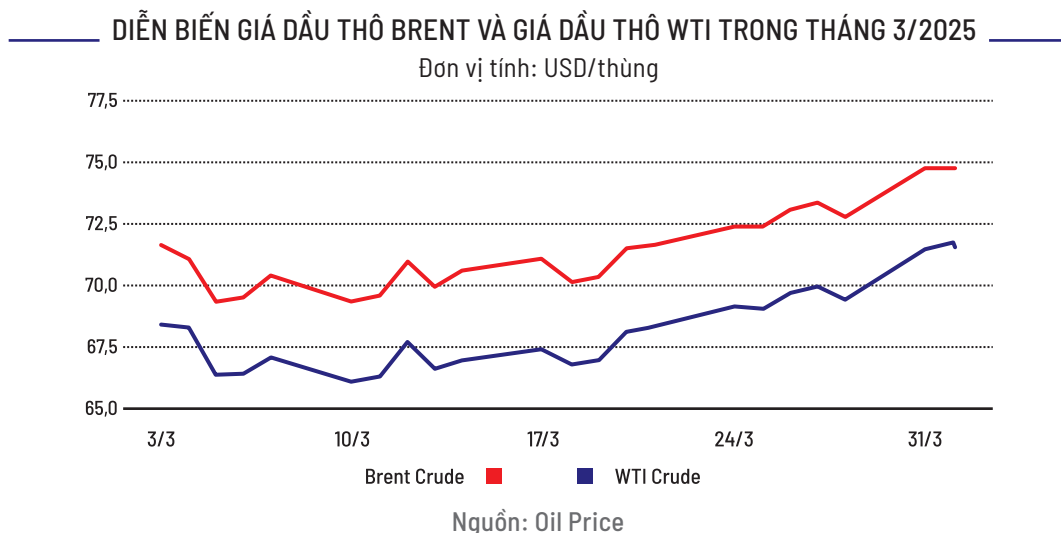
Tại châu Âu, bất chấp các bất ổn kinh tế và chính sách khí hậu siết chặt, nhu cầu dầu tại các ngành công nghiệp nặng, vận tải và hóa dầu vẫn ổn định. Các quốc gia như Đức, Hà Lan và Ý tiếp tục tìm kiếm nguồn cung ổn định từ Mỹ và các nước không thuộc OPEC+, trong khi cố gắng giảm phụ thuộc vào dầu Nga.

Tại Mỹ, tiêu thụ dầu vẫn ở mức cao, đặc biệt trong lĩnh vực hàng không và công nghiệp nặng.

Ngoài ra, các quốc gia Đông Nam Á như Indonesia, Việt Nam và Thái Lan tiếp tục ghi nhận nhu cầu dầu tăng nhẹ, nhờ sự phục hồi của du lịch và hoạt động sản xuất.

■ Diễn biến giá:

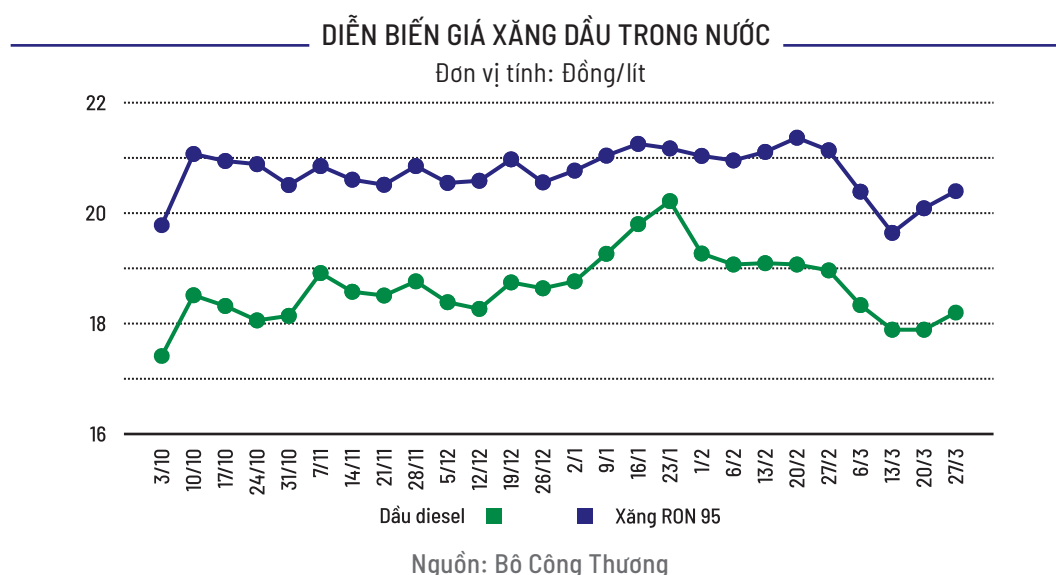
Trong tháng 3, giá dầu Brent và WTI ghi nhận xu hướng tăng nhẹ. Sau khi giảm nhẹ đầu tháng do lo ngại về thuế quan và quyết định tăng sản lượng của OPEC+, giá dầu bắt đầu phục hồi nhờ tồn kho dầu thô Mỹ giảm mạnh và lo ngại về nguồn cung từ các điểm nóng địa chính trị như Yemen, Iran và Venezuela. Đến cuối tháng, đà tăng tiếp tục được củng cố nhờ đồng đô la Mỹ suy yếu và những rủi ro gián đoạn nguồn cung trong khu vực Trung Đông.



1.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 3, tình hình cung ứng xăng dầu trong nước ghi nhận một số thách thức, khi Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP) đối mặt với áp lực tồn kho do nhu cầu thị trường nội địa suy giảm. Để đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, NSRP đã phải xuất khẩu khoảng 62.000 tấn sản phẩm, đồng thời kiến nghị Bộ Công Thương hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ trong nước.

Trên thị trường bán lẻ, trong kỳ điều hành gần nhất ngày 13/3, giá xăng trong nước đã giảm lần thứ ba liên tiếp, đưa giá xăng E5RON92 về mức trần là 19.281 đồng/lít, xăng RON95-III là 19.649 đồng/lít, mức thấp nhất kể từ tháng 6/2021.



Mặc dù giá xăng dầu thế giới có xu hướng tăng trở lại trong những ngày cuối tháng 3, tuy nhiên, giá xăng tại Việt Nam vẫn ở mức rất thấp so với mặt bằng chung toàn cầu. Trong tháng qua, giá xăng trung bình tại Việt Nam chỉ bằng khoảng 2/5 so với Singapore và bằng khoảng 3/4 giá xăng ở Trung Quốc và Ấn Độ.

Tính đến hết tháng 3/2025, Việt Nam đã trải qua 13 kỳ điều chỉnh giá xăng dầu, trong đó có 5 lần tăng, 5 lần giảm và 3 lần điều chỉnh trái chiều. Diễn biến này phản ánh sự nỗ lực của cơ quan quản lý trong việc cân bằng giữa biến động giá thế giới và ổn định thị trường trong nước.

Bên cạnh đó, chiết khấu xăng dầu tại nhiều kho trong tháng 3 dao động trong khoảng 1.400 – 1.950 đồng/lít, cao hơn so với các tháng trước, góp phần cải thiện biên lợi nhuận và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp bán lẻ.

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Ngày 24/3, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký sắc lệnh hành pháp cho phép áp thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ bất kỳ quốc gia nào mua dầu thô và nhiên liệu lỏng của Venezuela. Chính sách này có thể làm giảm lượng dầu xuất khẩu từ Venezuela, gây thêm áp lực lên thị trường dầu mỏ toàn cầu trong tương lai, đặc biệt khi các nước khác phải tìm nguồn cung thay thế.

Trong khi đó, vào ngày 3/3, Tổ chức Các Nước Xuất khẩu Dầu Mỏ và Các Nước Đồng Minh (OPEC+) thông báo sẽ tăng sản lượng dầu mỏ thêm khoảng 138.000 thùng mỗi ngày từ ngày 1/4/2025, sau khi kế hoạch này bị trì hoãn từ lâu.

Ngày 13/3, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2025. *IEA dự báo nguồn cung dầu toàn cầu có thể vượt cầu khoảng 600.000 thùng/ngày trong năm nay.* Sự gia tăng nguồn cung từ các quốc gia ngoài OPEC+ như Mỹ, Brazil và Canada sẽ góp phần vào tình hình thặng dư nguồn cung này. Bên cạnh đó, *IEA dự báo mức dư thừa có thể tăng thêm 400.000 thùng/ngày trong năm 2025 nếu OPEC+ không kiểm soát được tình trạng sản xuất vượt hạn ngạch.*

Về phần Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), cùng ngày 13/3, *OPEC dự báo nguồn cung từ các quốc gia không tham gia Tuyên bố Hợp tác (Non – DoC) sẽ tăng 1 triệu thùng/ngày trong năm 2025*, chủ yếu đến từ Mỹ, Brazil, Canada và Na Uy.

Ngoài ra, ngày 24/3/2025, *Goldman Sachs đưa ra dự báo rằng tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu của các quốc gia ngoài OPEC+ sẽ chậm lại khoảng 0,3 triệu thùng/ngày trong 12 tháng tới nếu giá dầu giảm 10 USD/thùng.*

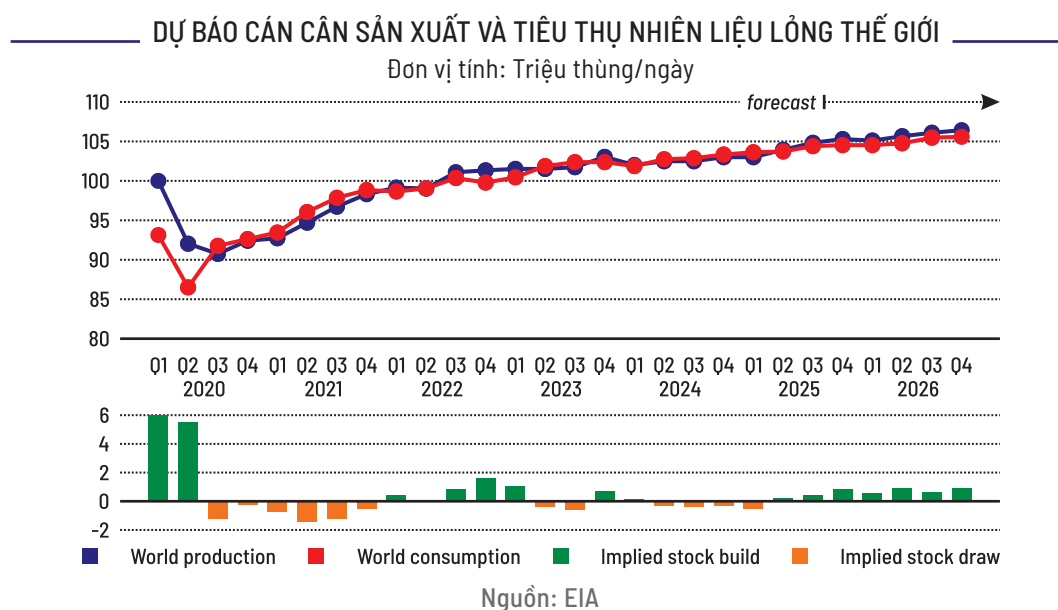
▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng 3, các dự báo của các tổ chức quốc tế về nhu cầu dầu toàn cầu đều chỉ ra sự tăng trưởng ổn định trong những năm tới, mặc dù có sự điều chỉnh nhẹ do những yếu tố tác động từ thị trường và chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ, trong đó Trung Quốc tiếp tục là động lực chính thúc đẩy nhu cầu dầu toàn cầu.

Ngày 13/3, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã giảm dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu trong năm 2025 xuống còn 1 triệu thùng/ngày, giảm 70.000 thùng/ngày so với dự báo trước đó. IEA cho biết mức tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi châu Á, đặc biệt là ngành công nghiệp hóa dầu của Trung Quốc.

Cùng ngày, OPEC giữ nguyên dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2025 và 2026 ở mức 1,4 triệu thùng/ngày, với nhu cầu tại các quốc gia ngoài Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự kiến sẽ tăng mạnh hơn (1,3 triệu thùng/ngày) so với các quốc gia trong OECD (0,1 triệu thùng/ngày).

Thêm vào đó, trong tháng qua, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA)* dự báo mức tiêu thụ dầu toàn cầu sẽ đạt trung bình 104,13 triệu thùng/ngày vào năm 2025 và 105,30 triệu thùng/ngày vào năm 2026. Dự báo này cũng chỉ ra sự tăng trưởng đều đặn trong suốt các quý của năm 2025, với mức tiêu thụ dự kiến đạt 105,74 triệu thùng/ngày vào quý IV/2025.



■ Diễn biến giá:

Trong thời gian tới, các yếu tố chính có thể làm giảm giá dầu bao gồm triển vọng ngừng bắn giữa Nga và Ukraine, dẫn đến việc dầu Nga quay lại thị trường toàn cầu, căng thẳng thương mại làm giảm nhu cầu dầu và sự gia tăng dự trữ dầu toàn cầu do nhu cầu yếu. Thêm vào đó, chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ có thể làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng tiêu cực đến giá dầu.

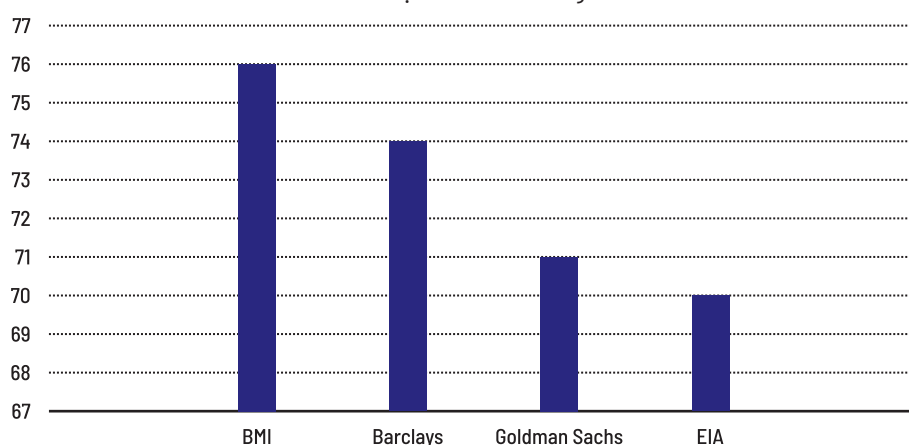
Công ty nghiên cứu thị trường *BMI* dự báo giá dầu Brent trung bình sẽ đạt 76 USD/thùng vào năm 2025, giảm so với 80 USD/thùng của năm 2024.

Đồng quan điểm với BMI, *Tổ chức tài chính Barclays* hạ dự báo giá dầu Brent xuống 74 USD/thùng trong năm 2025, giảm 9 USD so với trước, do ước tính nhu cầu toàn cầu suy yếu. Đồng thời, *Goldman Sachs* cũng giảm dự báo giá dầu Brent xuống 71 USD/thùng vào năm 2025 do tác động của thuế quan và sự gia tăng sản lượng của OPEC.

Trong khi đó, *EIA* kỳ vọng áp lực tăng giá sẽ đưa giá dầu Brent trở lại mức 70 USD/thùng trong những tháng tới, do tác động từ lệnh trừng phạt của Mỹ, gây thắt chặt nguồn cung.

DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT TRUNG BÌNH TRONG NĂM 2025

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Vibiz Monitoring

1.2.2. Thị trường trong nước

■ Cung dầu mỏ:

Sản lượng khai thác dầu và khí trong nước đang giảm nhanh chóng. Các mỏ lớn như Bạch Hổ, Sư Tử Đen và Sư Tử Vàng, vốn đóng vai trò chủ chốt trong việc cung cấp năng lượng cho nền kinh tế, đang dần cạn kiệt trữ lượng. Điều này tạo ra một thách thức lớn cho ngành dầu khí trong việc duy trì sản lượng khai thác ổn định. Ngoài ra, ngành dầu khí Việt Nam cũng gặp khó khăn lớn trong việc tìm kiếm và phát triển các mỏ khí mới. Các khu vực trữ lượng tiềm năng chưa được khai thác chủ yếu nằm ở các khu vực xa bờ, có điều kiện thi công phức tạp, đặc biệt là ở các bể Sông Hồng, Phú Khánh và Tư Chính - Vũng Mây. Các mỏ này đòi hỏi mức đầu tư lớn và công nghệ cao, trong khi chưa được thăm dò đầy đủ, tạo ra không ít rủi ro cho các doanh nghiệp.

Mặt khác, trong khi việc khai thác các mỏ dầu khí hiện tại đang gặp khó khăn, việc tái khởi động các dự án dầu khí nội địa như Lô B và Cá Voi Xanh có thể là chiến lược quan trọng để gia tăng sản lượng khai thác trong thời gian tới. Các mỏ này có tiềm năng lớn nhưng cũng đòi hỏi mức đầu tư khổng lồ và công nghệ hiện đại để khai thác hiệu quả.

Ngoài ra, việc hợp tác với các đối tác quốc tế lớn như Chevron, Gazprom và Total sẽ giúp Việt Nam tận dụng được các công nghệ tiên tiến để cải thiện hiệu quả khai thác và gia tăng nguồn cung dầu khí trong nước.

■ Cầu dầu mỏ:

Dự báo nhu cầu xăng dầu trong nước sẽ tiếp tục tăng trưởng nhẹ trong những năm tới nhờ sự phục hồi của nền kinh tế, đặc biệt là các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và năng lượng. Tuy nhiên, với xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang năng lượng tái tạo và việc gia tăng sử dụng xe điện, tốc độ tăng trưởng nhu cầu xăng dầu có thể sẽ chậm lại so với các năm trước. Việc phát triển các nguồn năng lượng thay thế cũng sẽ tạo ra sự cạnh tranh cho ngành dầu khí trong việc duy trì thị phần.

■ **Diễn biến giá:**

Dự báo giá xăng dầu trong nước trong thời gian tới có thể sẽ tiếp tục chịu sự tác động mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài, như biến động giá dầu thô thế giới, tình hình sản xuất và tiêu thụ năng lượng toàn cầu, cũng như các chính sách điều hành của chính phủ. Trong bối cảnh giá dầu thô thế giới có xu hướng tăng do sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu và nhu cầu năng lượng gia tăng, giá xăng dầu trong nước có thể sẽ tiếp tục tăng nhẹ.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ **Cung khí:**

Tình hình cung cấp khí đốt toàn cầu trong tháng 3 tiếp tục diễn biến căng thẳng, chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố chính trị, kinh tế và thời tiết.

Mỹ đã đạt mức xuất khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) kỷ lục với 9,3 triệu tấn, vượt qua mức 8,6 triệu tấn của tháng 12/2023, củng cố vị thế nhà xuất khẩu LNG lớn nhất thế giới. Con số này phản ánh nỗ lực gia tăng xuất khẩu khí đốt và chiến lược năng lượng mạnh mẽ dưới thời Tổng thống Donald Trump, đồng thời đáp ứng nhu cầu nguồn cung khí đốt ngày càng tăng trên toàn cầu.

Mặt khác, tình hình ở châu Âu cũng đầy thách thức khi lệnh cấm trung chuyển LNG từ Nga vào EU có hiệu lực từ ngày 26/3. Trong khi đó, dự trữ khí đốt tự nhiên của EU hiện chỉ đạt khoảng 36%, thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái, gây áp lực lớn lên nguồn cung và đẩy giá khí đốt lên cao.

Ở các khu vực khác, như Trung Đông, Qatar đã bắt đầu cung cấp khí đốt tự nhiên cho Syria thông qua Jordan để hỗ trợ đất nước này giải quyết tình trạng thiếu hụt điện năng nghiêm trọng.

■ **Cầu khí:**

Nhu cầu khí đốt toàn cầu trong tháng qua có sự biến động đáng kể, với sự giảm nhẹ ở các khu vực như Trung Quốc và Nhật Bản do lượng dự trữ cao sau mùa đông ẩm áp, trong khi nhu cầu tại Châu Âu tăng mạnh do thời tiết lạnh hơn và sự phục hồi của các hoạt động công nghiệp.

Tại Châu Âu, nhu cầu khí đốt tăng mạnh, các nước tiêu thụ khí đốt lớn ở Tây Bắc Châu Âu như Pháp và Đức đã ghi nhận lượng nhập khẩu LNG tăng vọt, tuy nhiên, chi phí vận hành cao đã khiến một số bến nhập khẩu LNG nổi tại các quốc gia này ngừng hoạt động trong nhiều tháng, làm giảm tính cạnh tranh so với các cơ sở nhập khẩu trên bờ.

Ở Trung Quốc, nhu cầu khí đốt giảm do mùa đông ấm áp và lượng dự trữ cao, khiến quốc gia này không nhập khẩu LNG từ Mỹ trong suốt 40 ngày qua. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các công ty thương mại của Trung Quốc phải chuyển hướng các chuyến hàng LNG sang các thị trường khác để tránh thuế quan đối với nhiên liệu siêu lạnh.

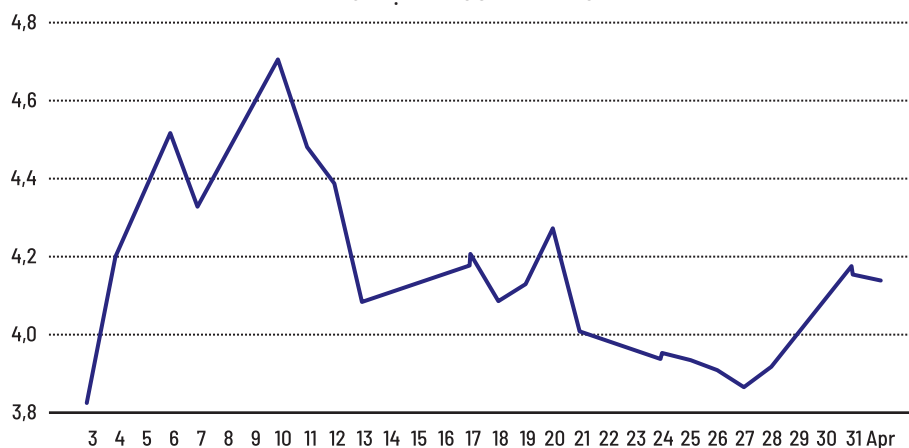
Trong khi đó, tại Iraq, tình trạng thiếu khí đốt tự nhiên ngày càng nghiêm trọng khi nước này tìm kiếm nguồn cung từ Qatar và Oman, trong bối cảnh Mỹ tiếp tục siết chặt lệnh trừng phạt đối với nhập khẩu năng lượng từ Iran.

▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 3/2025, thị trường khí đốt tự nhiên toàn cầu đã chứng kiến sự biến động giá mạnh mẽ. Đầu tháng, giá khí đốt ghi nhận đà tăng trưởng đáng chú ý, đạt đỉnh vào giữa kỳ. Tuy nhiên, xu hướng tăng này không được duy trì, khi giá giảm mạnh và ổn định ở mức thấp hơn trong phần lớn thời gian còn lại của tháng. Nguyên nhân chính do tình hình thị trường LNG tại châu Á, nơi giá giao ngay đạt mức thấp nhất trong gần 6 tháng do nhu cầu giảm từ các thị trường tiêu thụ lớn như Trung Quốc và Nhật Bản, những quốc gia này đang duy trì dự trữ dồi dào sau một mùa đông ôn hòa. Mặc dù có dấu hiệu phục hồi nhẹ vào cuối tháng, nhưng xu hướng chung của giá khí đốt tự nhiên toàn cầu trong tháng qua cho thấy sự suy yếu sau giai đoạn tăng trưởng ban đầu.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Investing

2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 3, thị trường khí tại Việt Nam tiếp tục chứng kiến những biến động đáng chú ý, đặc biệt là liên quan đến nguồn cung LNG và nhu cầu tiêu thụ gas trong nước.

Ngày 17/3, Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGas) đã ký kết biên bản ghi nhớ với Tập đoàn Excelerate Energy về các thỏa thuận mua bán LNG dài hạn, nhằm đảm bảo nguồn cung khí ổn định trong bối cảnh nguồn khí nội địa đang suy giảm. Các thỏa thuận này dự báo sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng nguồn cung LNG cho Việt Nam, đặc biệt trong việc hỗ trợ thực hiện Quy hoạch điện VIII, đồng thời đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng cao của ngành sản xuất điện.

Bên cạnh đó, nhu cầu gas bán lẻ tiếp tục duy trì xu hướng tăng, đặc biệt là trong các tháng đầu năm, do sự phục hồi của nền kinh tế và sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp. Tuy nhiên, mức giá gas bán lẻ vẫn chịu sự ảnh hưởng từ các yếu tố quốc tế, bao gồm giá gas thế giới, sự biến động của đồng USD và tình hình chính trị tại các quốc gia xuất khẩu khí. Cụ thể, từ ngày 1/3/2025, giá gas bán lẻ tại Việt Nam đã giảm 0,46%, tương đương với mức giảm 2.000 đồng/bình 12kg, theo xu hướng giảm của giá gas thế giới.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung khí:*

Dự báo nguồn cung khí đốt toàn cầu trong giai đoạn 2025 - 2027 sẽ có những thay đổi quan trọng, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình năng lượng toàn cầu đang biến động mạnh.

Ngày 13/3, OPEC dự báo sản lượng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) và các loại dầu phi truyền thống từ các nước tham gia Tuyên bố Hợp tác (DoC) sẽ tăng trưởng nhẹ, với mức tăng 0,1 triệu thùng/ngày (mb/d) trong năm 2025, đạt mức trung bình 8,4 mb/d. Sự gia tăng này sẽ tiếp tục vào năm 2026, khi sản lượng đạt mức trung bình 8,5 mb/d. Tuy nhiên, mặc dù sự tăng trưởng này có thể bù đắp một phần sự thiếu hụt từ các nguồn cung truyền thống, nhưng cạnh tranh giữa các thị trường khí đốt toàn cầu, đặc biệt là châu Á và châu Âu, vẫn sẽ làm tăng áp lực lên nguồn cung khí đốt. Cùng với những biến động về chính trị và sự gián đoạn trong các tuyến đường ống khí, sự cạnh tranh và thiếu hụt có thể gia tăng nghiêm trọng trong giai đoạn này.

■ *Cầu khí:*

Dự báo nhu cầu khí đốt toàn cầu trong thời gian tới sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là đối với khí tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), nhờ vào nhu cầu không ngừng gia tăng từ các thị trường lớn như châu Á và châu Âu, nơi nhu cầu mạnh mẽ từ các quốc gia như Đức, Nhật Bản và Trung Quốc

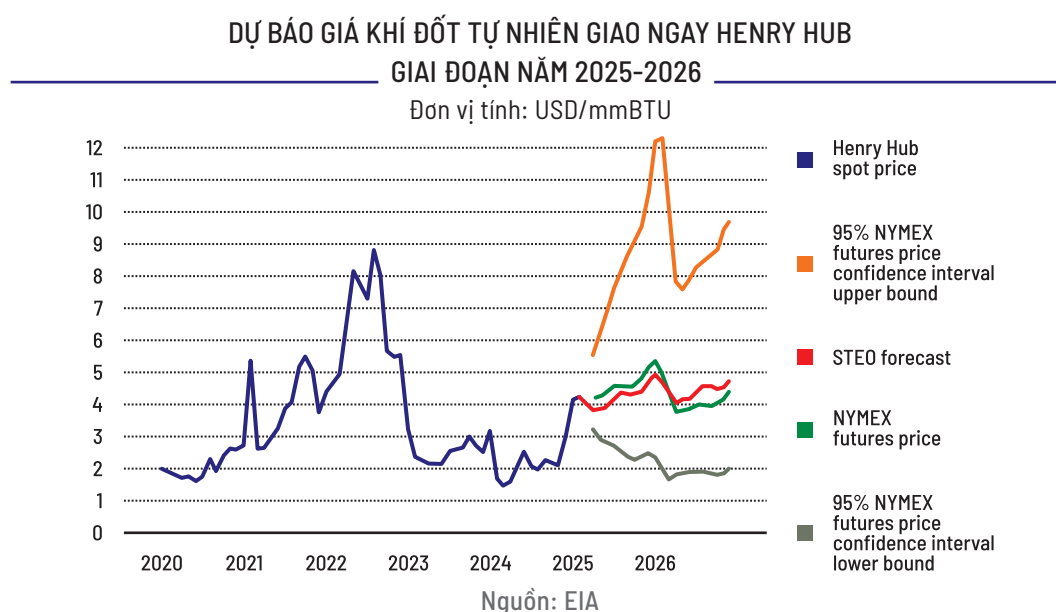
đang đẩy mạnh nhập khẩu. Tuy nhiên, những yếu tố như căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, chính sách áp thuế đối ứng của Mỹ hay sự biến động của giá năng lượng có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường LNG toàn cầu.

Tại châu Âu, nhập khẩu LNG được dự báo sẽ tăng 2,4% vào năm 2025, chủ yếu do sản lượng khí trong khu vực giảm, tạo ra áp lực đối với các quốc gia trong việc tìm kiếm nguồn cung thay thế từ các nước khác, đặc biệt là khi nguồn cung từ Nga tiếp tục giảm. Sự cạnh tranh giữa các thị trường khí đốt toàn cầu sẽ tiếp tục gia tăng, khiến nhu cầu khí đốt trong thời gian tới có thể vượt quá mức cung ứng trong một số khu vực, dẫn đến căng thẳng về nguồn cung và giá cả.

■ **Diễn biến giá:**

Dự báo giá khí đốt tự nhiên trong những năm tới sẽ có xu hướng tăng, đặc biệt là vào năm 2025 và 2026, do mức tiêu thụ khí đốt dự kiến cao hơn và lượng khí đốt tự nhiên dự trữ giảm.

Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA), giá giao ngay tại Henry Hub sẽ tăng lên khoảng 4,2 đô la cho một triệu đơn vị nhiệt Anh (MMBtu) vào năm 2025, cao hơn 11% so với dự báo trước đó. Đến năm 2026, EIA dự báo giá khí đốt tự nhiên trung bình hàng năm sẽ đạt khoảng 4,50 đô la/MMBtu, tăng 8% so với tháng trước, phản ánh nhu cầu cao và nguồn cung hạn chế.



2.2.2. Thị trường trong nước

Trong những năm tới, nguồn cung khí của Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức khi các mỏ khí lớn như Bạch Hổ, Nam Côn Sơn và Cửu Long đang dần cạn kiệt, dẫn đến sự suy giảm sản lượng khí tự nhiên khai thác hàng năm, trong khi nhu cầu sử dụng khí cho sản xuất điện, phân bón, công nghiệp và dân dụng ngày càng tăng.

Để đáp ứng nhu cầu này, thị trường LNG tại Việt Nam dự báo sẽ phát triển mạnh mẽ. Các dự án nhiệt điện khí LNG như Nhơn Trạch 3 và 4 sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng nhu cầu LNG, đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc thu hút đầu tư quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chủ yếu phụ thuộc vào việc nhập khẩu LNG, chưa phát triển được cơ sở hạ tầng khai thác và hóa lỏng khí trong nước, khiến giá LNG thường xuyên biến động và gây áp lực lên chi phí năng lượng.

Dự báo, giá LNG nhập khẩu sẽ tiếp tục tăng trong ngắn hạn, tạo thêm gánh nặng cho các nhà máy nhiệt điện khí. Tuy nhiên, tình hình có thể cải thiện từ năm 2027 khi các dự án hạ tầng được hoàn thiện và nguồn cung LNG ổn định hơn.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường phân bón thế giới trong tháng 3 ghi nhận nhiều sự biến động lớn, đặc biệt đối với các sản phẩm phân bón quan trọng như kali và ure.

Tại khu vực Bắc Mỹ, nông dân Mỹ và Canada đang đối mặt với chi phí phân bón tăng cao trong bối cảnh chiến tranh thương mại và thuế quan mới, khi Mỹ áp thuế 25% đối với kali nhập khẩu từ Canada kể từ ngày 4/3/2025. Mức thuế này làm gia tăng chi phí sản xuất và tạo thêm áp lực cho các nông dân đã phải đối mặt với giá ngũ cốc thấp.

Tại khu vực châu Á và Trung Đông, thị trường phân DAP cũng gặp khó khăn do sự không chắc chắn liên quan đến việc Trung Quốc quay trở lại xuất khẩu, dẫn đến tình trạng nguồn cung DAP trên thế giới ngày càng khan hiếm.

Trong khi đó, giá kali tiếp tục xu hướng tăng vào giữa tháng do nguồn cung thắt chặt.

Bên cạnh đó, giá ure đã giảm so với cuối tháng 2 khi Ấn Độ vẫn chưa mở thầu nhập khẩu và các nhà máy sản xuất ure ở Trung Đông và Ai Cập đã hồi phục sản xuất nhờ vào nguồn khí ổn định. Sự giảm giá này cũng chịu tác động từ việc giá khí giảm nhẹ, đặc biệt sau khi Slovakia bắt đầu nhận khí đốt từ Nga, giúp giảm áp lực thiếu hụt khí tại EU và hạ nhiệt giá ure.

DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI

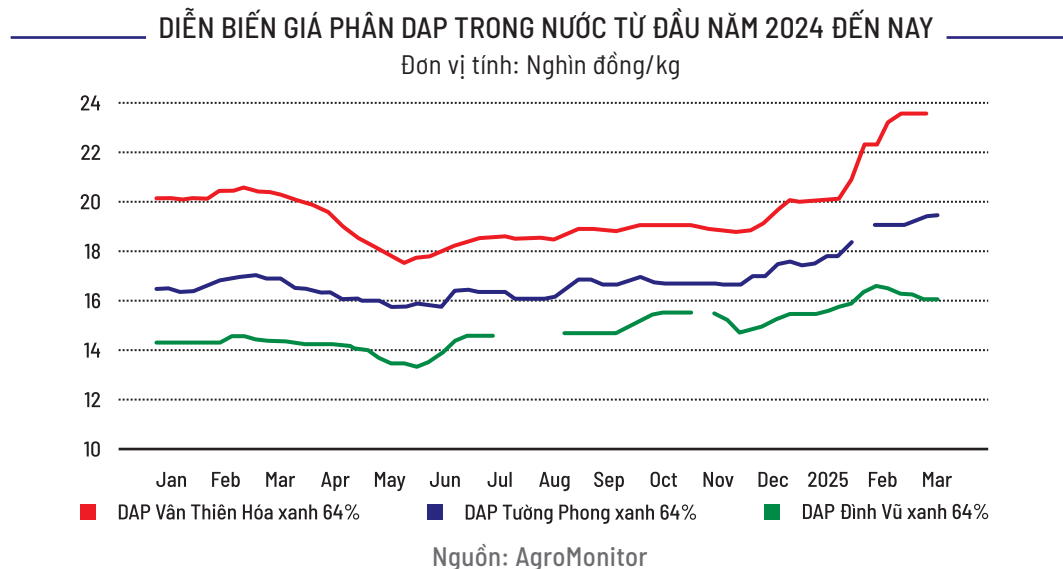
Đơn vị tính: USD/tấn



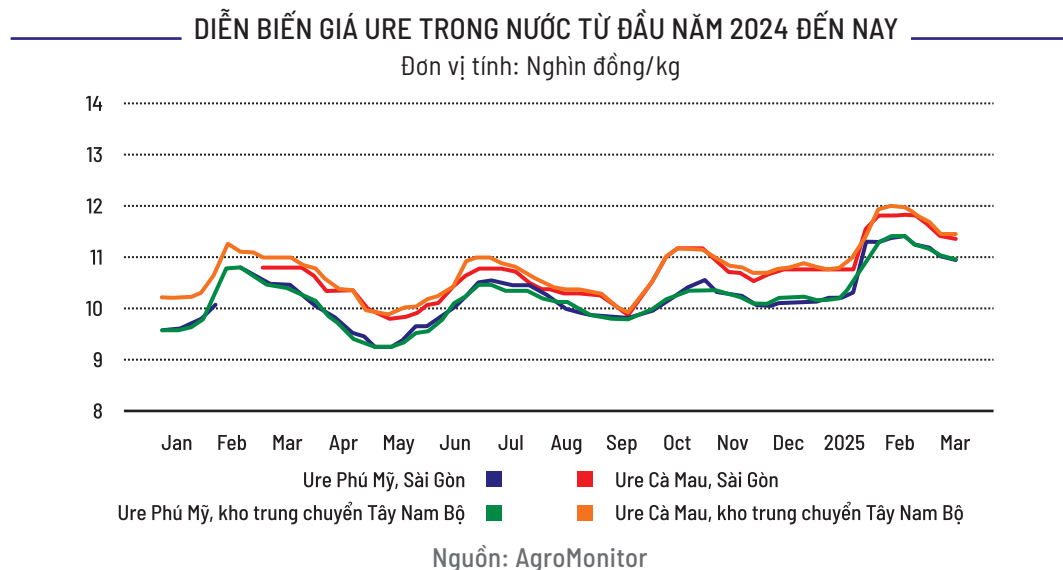
Nguồn: Tradingeconomics

3.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 3, nguồn cung DAP tại Việt Nam vẫn hạn chế, khiến giá phân bón này tiếp tục duy trì ở mức cao hoặc có thể tiếp tục tăng vào cuối tháng 3, đặc biệt khi các thương nhân lo ngại về tình trạng thiếu hụt nguồn cung từ Trung Quốc.

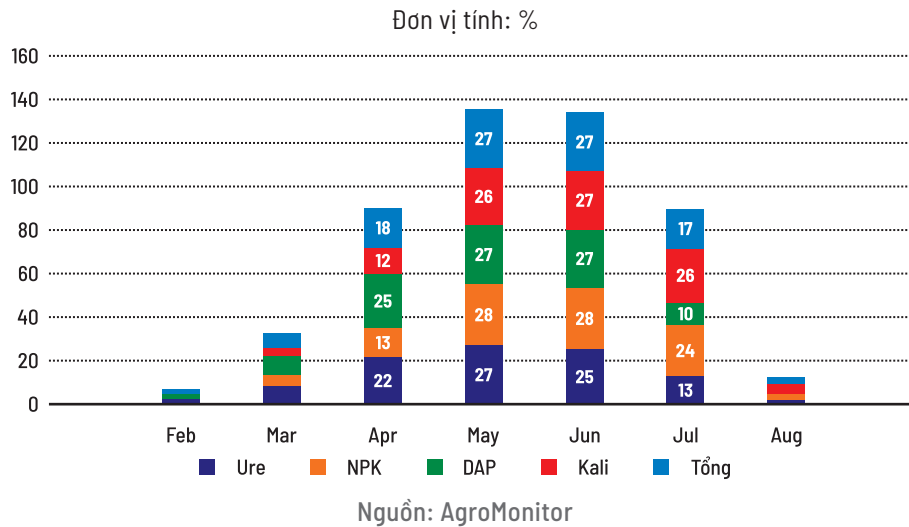


Trong khi đó, các loại phân bón khác như kali và NPK không có biến động mạnh trong tháng này. Bên cạnh đó, giá ure tiếp tục duy trì xu hướng giảm nhẹ do chịu áp lực từ nhu cầu tiêu thụ nội địa chậm và thị trường ure thế giới suy yếu.



Tình hình này phản ánh nhu cầu phân bón trong nước đã giảm bớt sau vụ Đông Xuân, khi các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long chuẩn bị cho vụ Hè Thu 2025. Tuy nhiên, áp lực giá cả cao vẫn là yếu tố đáng chú ý khi các nông dân tiếp tục phải đối mặt với các chi phí phân bón gia tăng.

ƯỚC TÍNH NHU CẦU TIÊU THỤ PHÂN BÓN CHO LÚA HÈ THU 2025
TẠI CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



Nhìn chung, trong tháng qua, thị trường phân bón tại Việt Nam tiếp tục suy yếu do nhu cầu tiêu thụ nội địa chậm và thị trường ure thế giới suy yếu. Giá các loại phân bón khác như NPK, kali, DAP... không có biến động mạnh, không có diễn biến lớn về cung, cầu.

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong thời gian tới, thị trường phân bón toàn cầu sẽ tiếp tục bị tác động mạnh mẽ bởi các yếu tố kinh tế, chính trị và môi trường. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ và các quốc gia xuất khẩu phân bón đặc biệt sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả và nguồn cung. Chính sách thuế quan mới của Tổng thống Mỹ đối với các sản phẩm phân bón có thể dẫn đến việc giá phân bón tăng cao. Điều này khiến thị trường phân bón đối diện với nguy cơ thiếu hụt và áp lực giá cả tăng cao.

Ngoài ra, sự biến động giá khí đốt tự nhiên, nguyên liệu chính trong sản xuất phân bón ure, sẽ tiếp tục là yếu tố quyết định đối với giá phân bón toàn cầu. Khi giá khí tăng cao, chi phí sản xuất phân bón cũng sẽ tăng theo, đẩy giá phân bón lên mức cao hơn. Tuy nhiên, với dự báo giá khí có thể giảm trong trung hạn, sự tăng trưởng của giá phân bón có thể chậm lại vào cuối năm 2025.

Mặc dù vậy, các hiệp định thương mại tự do như RCEP và EVFTA sẽ tạo ra cơ hội cho các quốc gia như Nga, Trung Quốc và Indonesia mở rộng xuất khẩu phân bón sang các thị trường lớn, làm giảm áp lực giá ở các khu vực khác và giúp ổn định nguồn cung. Tuy nhiên, những rủi ro từ các chính sách thuế quan và biến động địa chính trị vẫn có thể khiến thị trường phân bón tiếp tục biến động mạnh và khó lường trong thời gian tới.

3.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo giá phân bón tại Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều biến động khó lường, chủ yếu đến từ các yếu tố như giá khí tự nhiên và tình hình địa chính trị toàn cầu. Cụ thể, giá khí thiên nhiên, nguyên liệu chủ yếu sản xuất ure, có thể sẽ tiếp tục biến động mạnh do sự tác động của thị trường dầu mỏ và cung cầu toàn cầu. Mặc dù giá khí có thể giảm, nhưng các doanh nghiệp phân bón Việt Nam như Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM) và Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Miền Nam (DPM) vẫn phải chịu sự ảnh hưởng lớn từ việc tính toán giá khí dựa trên giá dầu Brent, thay vì giá khí tự nhiên quốc tế. Điều này tạo ra sự khác biệt về biên lợi nhuận gộp giữa các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, đặc biệt khi giá dầu Brent giảm chậm hơn so với giá khí TTF (giá khí tự nhiên tại trung tâm giao dịch Title Transfer Facility của châu Âu). Giá khí TTF thường biến động mạnh theo thời tiết và các yếu tố địa chính trị tại châu Âu, khiến mức độ biến động của doanh nghiệp trong nước trở nên cao hơn khi so sánh với doanh nghiệp quốc tế.

Bên cạnh đó, xu hướng chuyển sang sử dụng phân bón hữu cơ thay vì phân bón hóa học cũng có thể là yếu tố thúc đẩy sự thay đổi trong cấu trúc sản phẩm và chiến lược kinh doanh của các công ty phân bón tại Việt Nam. Đồng thời, với việc áp dụng thuế VAT 5% đối với phân bón từ năm 2025, doanh nghiệp phân bón sẽ phải đối mặt với các tác động không nhỏ về chi phí và giá bán. Tuy nhiên, điều này cũng có thể tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất phân bón tăng trưởng nếu biết tận dụng các yếu tố thuận lợi như giá nông sản tăng và nhu cầu về phân bón cao hơn.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện toàn cầu trong tháng 3 chứng kiến nhiều biến động mạnh mẽ do căng thẳng địa chính trị, khủng hoảng hạ tầng tại một số quốc gia và áp lực ngày càng lớn từ xu hướng chuyển dịch năng lượng và phát triển công nghệ cao.

Tại châu Âu, Áo ghi nhận mức giá điện bán buôn cao nhất trong toàn khối EU, chủ yếu do nguồn cung khí đốt từ Nga bị gián đoạn, đặc biệt sau khi dòng khí đốt trung chuyển qua Ukraina bị cắt đứt hoàn toàn. Diễn biến này khiến giá nhiên liệu tại Áo và nhiều quốc gia EU khác tăng vọt, kéo theo chi phí sản xuất điện tăng mạnh và gây áp lực lớn lên người tiêu dùng cũng như doanh nghiệp.

Ở chiều ngược lại, nhiều doanh nghiệp đa quốc gia như Amazon, Microsoft, và Unilever đang tích cực ký hợp đồng mua điện dài hạn từ các dự án năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời.

Tại Cuba, tình trạng mất điện trên diện rộng đã xảy ra vào giữa tháng, khi lưới điện quốc gia sụp đổ vào tối ngày 14/3 khiến toàn bộ thủ đô Havana chìm trong bóng tối. Dù hệ thống đã được khôi phục sau gần hai ngày, nhưng nguồn cung vẫn chưa đủ để đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Tại khu vực Trung Đông, tình hình trở nên căng thẳng hơn khi Mỹ chính thức ngừng lệnh miễn trừ trừng phạt đối với Iraq, khiến quốc gia này đứng trước nguy cơ mất tới 30% sản lượng điện do không thể tiếp tục nhập khẩu điện từ Iran.

Tại Mỹ, làn sóng đầu tư vào AI đang kéo theo sự bùng nổ của các trung tâm dữ liệu, từ đó làm tăng đột biến nhu cầu tiêu thụ điện tại nhiều bang. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các công ty điện lực trong việc đảm bảo ổn định lưới điện và cung cấp đủ công suất.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 3, thị trường điện Việt Nam ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực với sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống đạt 27,1 tỷ kWh, nâng tổng sản lượng quý I/2025 lên 72,2 tỷ kWh.

Trong đó, nhiệt điện than tiếp tục đóng vai trò chủ lực với sản lượng 40,8 tỷ kWh (chiếm 56,5%), theo sau là thủy điện đạt 13,8 tỷ kWh (19,1%) và năng lượng tái tạo đạt 11,51 tỷ kWh (16,0%), với điện mặt trời và điện gió lần lượt chiếm 6,69 và 4,45 tỷ kWh. Huy động từ tua bin khí đạt 4,6 tỷ kWh (6,4%) và điện nhập khẩu là 1,33 tỷ kWh (1,8%).

Tổng sản lượng điện truyền tải trong 3 tháng đầu năm ước đạt 57,4 tỷ kWh, cho thấy hệ thống vẫn vận hành ổn định và đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng.

Bên cạnh các chỉ số sản xuất, giá điện sinh hoạt trong tháng 3 ghi nhận mức giảm nhẹ 0,14%, góp phần hỗ trợ người dân trong bối cảnh giá cả tiêu dùng có nhiều biến động.

Đặc biệt, việc tích cực tham gia Chiến dịch Giờ Trái đất 2025 với một giờ tắt đèn biểu trưng (20h30 - 21h30 ngày 22/3), cả nước đã tiết kiệm được 448.000 kWh điện, một kết quả tích cực cho thấy sự hưởng ứng mạnh mẽ của cộng đồng trong việc nâng cao ý thức sử dụng năng lượng bền vững và bảo vệ môi trường.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện thế giới trong những năm tới được dự báo sẽ có nhiều thay đổi đáng kể cả về cơ cấu nguồn cung lẫn xu hướng tiêu thụ.

Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), sản lượng điện hạt nhân toàn cầu dự kiến sẽ tăng gần 3% mỗi năm cho đến năm 2026, đạt mức cao kỷ lục vào năm 2025. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc khôi phục công suất tại Pháp, tái khởi động các nhà máy ở Nhật Bản và đưa vào vận hành các lò phản ứng mới tại Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc và nhiều nước châu Âu, với tổng cộng khoảng 29 GW công suất điện hạt nhân sẽ được bổ sung vào hệ thống toàn cầu trong vài năm tới.

Bên cạnh đó, châu Âu đang đẩy mạnh đầu tư vào năng lượng gió, trong đó Pháp và Tây Ban Nha đóng vai trò dẫn đầu với nhiều dự án trang trại gió quy mô lớn cả trên bờ và ngoài khơi.

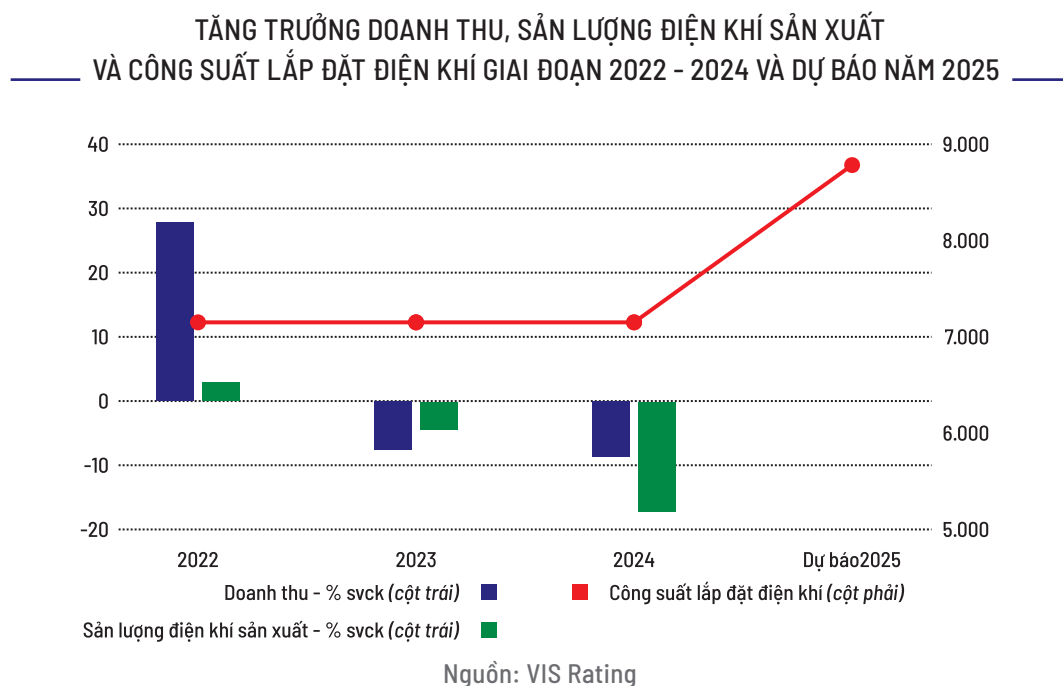
Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ điện toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng nhanh, đặc biệt là do sự bùng nổ của các trung tâm dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số và điện toán đám mây. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các hệ thống điện quốc gia trong việc đảm bảo cung – cầu, đồng thời đòi hỏi những giải pháp cân bằng linh hoạt và đầu tư mạnh vào hạ tầng năng lượng thông minh.

4.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện Việt Nam trong năm 2025 được dự báo sẽ bước vào giai đoạn phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ, với sự đóng góp đáng kể từ các nguồn nhiệt điện than và điện khí LNG.

Các nhà máy nhiệt điện than hiện hữu tiếp tục hoạt động với công suất cao, trong khi việc đưa vào vận hành các nhà máy mới như Vũng Áng 2 và Quảng Trạch 1 sẽ nâng tổng công suất lắp đặt nhiệt điện than lên thêm 10%, đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng sản lượng và cải thiện dòng tiền cho ngành.

Bên cạnh đó, lĩnh vực điện khí cũng được kỳ vọng khởi sắc khi hai nhà máy LNG mới của POW chính thức đi vào hoạt động từ quý III/2025, giúp tăng thêm 20% công suất lắp đặt điện khí và cải thiện kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp liên quan.



Tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống dự kiến tăng thêm 6%, đáp ứng nhu cầu điện trong nước đang duy trì ở mức cao. Đồng thời, khả năng điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện trong năm 2025 cũng sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy doanh thu toàn ngành.



KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong tháng 3 và quý I/2025, Petrovietnam ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt là sản lượng điện, xăng dầu, khí và NPK. Cụ thể, trong tháng 3/2025, nhiều chỉ tiêu, sản lượng SXKD của Petrovietnam tăng trưởng so với tháng trước. Dầu thô tăng 12%; khí tăng 24%; điện tăng 35%; xăng dầu tăng 87%; urê tăng 10%; NPK tăng 37%; LPG tăng 20%; condensate tăng 17%.

Lũy kế quý I/2025, các chỉ tiêu sản xuất cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, trong đó có 4 chỉ tiêu tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ 2024. Điện tăng 18,6%; xăng dầu tăng 13,8%; NPK tăng 45,5%; polypropylen tăng 21,7%.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên, bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 3/2025 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- *Mở rộng các thị trường kinh doanh, tận dụng các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) hiện có để nâng cao lợi thế cạnh tranh và gia tăng doanh thu từ các thị trường tiềm năng. Đồng thời, nghiên cứu phát triển các sản phẩm dầu nhờn cao cấp và hóa dầu chuyên dụng, nhằm tăng trưởng giá trị gia tăng từ các sản phẩm dầu mỏ, giảm phụ thuộc vào thị trường nhiên liệu cơ bản.*
- *Tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh vào trong quản trị và điều hành nhằm tối ưu hóa quá trình quản lý các hoạt động tài chính, sản xuất và quản trị nhân sự, từ đó nâng cao hiệu quả và giảm thiểu rủi ro.*
- *Triển khai các chiến dịch tiết kiệm năng lượng toàn diện trong Tập đoàn bằng cách triển khai các mô hình, sáng kiến tiết kiệm năng lượng hiệu quả, nhằm tối ưu hóa hiệu suất sử dụng nguồn năng lượng. Điều này không chỉ hỗ trợ giảm chi phí vận hành mà còn đóng góp tích cực vào mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của Tập đoàn.*
- *Tối ưu hóa công tác quản trị tài sản và công nợ để nâng cao hiệu quả tài chính, đảm bảo duy trì dòng tiền ổn định và đạt được các mục tiêu tăng trưởng bền vững của Tập đoàn, đồng thời tối đa hóa lợi nhuận từ các nguồn lực hiện có.*

- Tăng cường đào tạo ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ truyền thông của Tập đoàn, giúp tối ưu hóa quy trình cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác, góp phần xây dựng các chiến dịch quảng bá linh hoạt, nhạy bén, từ đó phản ứng kịp thời với những sự cố khủng hoảng truyền thông có thể xảy ra và đáp ứng yêu cầu tiếp nhận thông tin chính thống từ Tập đoàn của cộng đồng.
- Tiếp tục củng cố mối quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ tiên tiến, phát triển năng lượng tái tạo và thu hút nguồn vốn từ các tổ chức tài chính toàn cầu, nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hỗ trợ phát triển bền vững trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 3 NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 3 năm 2025	3 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	106,93	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	-	-	107,8	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	15.600	72.900	154,2	103,4	118,6	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	9.100		29,3	-		-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	78,8	-	-	107	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	4.392	-	123,6	106,1	-	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.899	-	164,9	98,4	-	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	2.137	-	123	154,4	-	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ	-	666,5	-	-	108,3	-
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	-	116,9	-	-	119,8	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	10,98	-	-	134,7	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	4,96	-	-	107,2	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	570,9	1.708,3	101,7	110,8	109,9	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	38,51	102,84	123,8	114,5	110,6	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	36,88	99,68	112,9	119	117	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 1,63	Xuất siêu 3,16	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				99,97	103,13	103,22	101,3
7.2	Chỉ số giá vàng				104,68	132,68	131,45	110,75
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,77	103,4	103,63	100,92
7.4	Lạm phát cơ bản				100,25	103,1	103,01	-

A: Tháng 3/2025 so với tháng 2/2025B: Tháng 3/2025 so với tháng 3/2024

C: Bình quân 3 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳD: Tháng 3/2025 so với tháng 12/2024



Ảnh bìa: Các biện pháp thuế quan mới của Tổng thống Mỹ Donald Trump có nguy cơ đẩy thế giới đến chiến tranh thương mại toàn diện.

Weforum.org



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
 BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện